

Lời nói đầu

Tập kỷ yếu này có mặt là để mừng sinh nhật 77 của Đại Lão Hoà Thượng Thích Mãn Giác Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ lần thứ 75 này do chư Tăng chùa Việt Nam thực hiện với sự cộng tác của quý thân hữu và hàng môn đệ của Ngài. Nội dung gồm các bài viết góp nhặt về cuộc đời, về con người, về một tâm hồn thi sĩ, và đặc biệt là về công hạnh hoá độ của Ngài trong suốt một chặng đường dài 50 năm với bao thăng trầm thế cuộc.

Con đường mà Ngài đã đi qua quả thực là một bài học quý giá để cho chúng ta và những thế hệ sau suy gẫm và học tập. Công hạnh của Ngài là một tấm gương sáng ngời được kết thành từ sự độ lượng và tấm lòng vị tha. Như một cội thông già trước sương gió cao nguyên, Ngài đã bao phen hứng chịu phiền lụy của thế gian để che chở và nuôi dưỡng đàn hậu tấn, tiếp nối ngọn đèn thiền “truyền đăng tục diệm”.

Từ những túp liều tranh nơi miền thôn dã đến các tòng lâm đại viện, từ bục giảng của Đại Học Vạn Hạnh và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn đến bục giảng của Đại Học Đông Phương Los Angeles, những ai đã một lần được diện kiến Ngài, thì ít nhiều cũng cảm thụ được khí phách tài hoa và đức hạnh khiêm cung của một bậc thanh tăng thi sĩ. Những áng văn sinh động, những công trình nghiên cứu uyên bác, và những vần thơ trác tuyệt của Ngài đã một thời chinh phục bao tâm hồn phiêu bạc:

“Xin đốt trầm lên cho khói bay

*Hương thơm ngào ngạt suốt đêm ngày
Sáng nay thức dậy mừng xuân mới
Ta thấy lòng không chút đổi thay”*

Những vần thơ này là lời khai bút đầu xuân của Ngài trong giờ phút thiêng liêng đêm Giao Thừa năm Quý Mùi- 2003. Phải chăng đó cũng chính là những gì còn lại trong một tâm hồn “Tathagata”- như như bất động trú ngụ trên một báo thân mỗi mòn của tuổi tác, tháng năm...

Mừng sinh nhật lần thứ 75 của Đại Lão Hoà Thượng, xin kính dâng lời khánh chúc Ngài vô lượng an lạc, thường trụ tại thế và ước mong Thông điệp tình thương của Ngài mãi mãi toả sáng cho Nhân Thế.

Xin trân trọng giới thiệu tập kỷ yếu này cùng độc giả.

*Mùa Thu 2003
TM. Ban Biên Tập
Thích Như Minh
Trụ Trì Chùa Việt Nam- Los Angeles*

LỜI CẦU NGUYỆN

Người ta thường bảo rằng: “Thời gian là thước đo lòng người.” Thật vậy, đã 40 năm qua rồi, Phật Giáo Việt Nam từ trong những ngày đen tối nhất vẫn cố vươn mình đứng lên cùng với thời đại. Qua bao thăng trầm đổi thay nhưng Phật giáo Việt Nam vẫn mang lại sức sống mãnh liệt cho cuộc đời. Dầu thời gian có trôi đi, nhưng những “dấu ấn hay những điểm son của một Thời” vẫn còn đọng lại ít nhiều trong lòng mọi người nói chung, và những người Phật tử Việt Nam nói riêng. Để nhớ đến công lao các bậc Đại Lão Hoà Thượng- Thượng Toạ- Đại Đức Tăng Ni- và Đồng Bào Phật Tử đã xả thân vì đạo từ những năm tháng 1963 cho đến ngày hôm nay, Đại Lão Hoà Thượng Thích Mãn Giác đã tổ chức buổi Tưởng Niệm bốn mươi năm Pháp nạn của Phật Giáo Việt Nam. Mặc dầu Hoà Thượng đã bước vào tuổi “Thất thập cổ lai hy”, nhưng tấm lòng của Hoà Thượng vẫn tha thiết dạt dào thương Đời- thương Đạo, Hoà Thượng đã không ngăn được dòng nước mắt khi nhớ đến Hoà Thượng Thích Quảng Đức, Hoà Thượng Thích Thiện Minh và bao người khác nữa. Trong ngày Lễ Tưởng Niệm, Hoà Thượng đã thành tâm đốt nén trầm hương và viết lên “Lời Nguyện Cầu” tha thiết để dâng lên Chư Phật Chư Tổ chứng minh cho Phật Giáo Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm biến động mà vẫn kiên quyết “Giữ Đạo- Làm Lành”. Trong giờ phút thiêng liêng đó, Hoà Thượng đã thành tâm đọc lên lời nguyện cầu tha thiết làm cho bao người phải “lặng đứng”. Giọng nói của Ngài từng nghẹn ngào đầy nước mắt thương cho số phận của Phật Giáo Việt Nam trong những tháng năm đọa đày làm ray rứt bao tâm hồn của những người tham dự buổi lễ ngày 23 tháng 8 năm 2003.

Ban Biên Tập

Kính lạy Đức Phật,

Chúng con chấp tay thành kính hướng về Ngài với tất cả niềm tin và sự quy ngưỡng trong Lễ Tưởng Niệm Các Thánh Tử Đạo, Các Bậc Tiền Bối Hữu Công và Các Chiến Sĩ Vị Quốc Vong Thân... hôm nay. Tận đáy lòng, chúng con thâm cảm ơn sâu của Phật đã thương xót mở bày con đường giải thoát; ơn sâu chư Tổ đã tận tụy nêu gương sống đời phạm hạnh thấm nhuần giáo pháp; ơn sâu chư Thánh Tăng Ni Cư Sĩ đã vì Đạo bỏ thân- những người đã thiết tha làm theo lời Phật dạy: “Vi hạnh phúc của muôn loài” mà chia vai gánh chịu những khổ đau của cuộc đời để làm sáng ước nguyện phụng sự.

Là những người được may mắn được thừa hưởng di sản của quá khứ chứa đựng nhiều ân đức của bao nhiêu thế hệ đã qua âm thầm hy sinh tích lũy, chúng con làm sao có thể sống trong quên lãng, sống trong ích kỷ hèn yếu, trong lẫn trốn vô tình để không đủ lòng thành mà tiếp nối một con đường, đủ tin cậy mà vẹn toàn bao hoài bão, đủ bi tâm hy hiến mà tiếp tục phụng sự Đạo Pháp và con người trong mọi nơi, mọi lúc dù có khi phải bố thí thân mạng và vì nghĩa lớn quên mình. Ngọn lửa thiêng oai linh của Bồ Tát Quảng Đức nơi ngã tư đường thành phố Sài Gòn mãi còn sáng chói trong tâm hồn người. Tấm thân cô độc của Hoà Thượng Thích Thiện Minh đã nằm xuống trong ngục tù giá lạnh Hàn Tâm còn nguyên vẹn đó với bao niềm trắc ẩn. Những bó đuốc người chói sáng từ chốn tối tăm Rạch Gòi Cần Thơ còn lưu lại bao nhiêu chất vấn của chúng từ cảm lạnh về quyền sống con người trong cuối một thế kỷ tang thương! Chúng con nguyện cho những hình ảnh bi hùng đó sống mãi trong lòng chúng con, cho chúng con thấy con đường đi tới, và mỗi ngày tiếp nối sự sống của chúng con là một ngày bắt đầu với nén hương tưởng niệm những cuộc đời cao quý đó.

Kính lạy Đức Phật, chúng con tụ họp hôm nay trong ý thức mình mãi về những đau thương khổ lụy mà Dân Tộc và Phật Giáo Việt Nam đang chịu đựng. Chúng con không hèn kém để quay lưng lại trước những kêu đòi đổi thay tình trạng đau thương khổ lụy đó. Xin cho chúng con được trọn vẹn vững vàng, nguyện lực và hùng tâm để trên đường đi vào đời để cứu độ những Bậc Đại Trượng Phu:

“Ta không tranh chấp với thế gian, chỉ có thế gian tranh chấp với ta”.

Để được sống có tình thương giữa thế giới nhiều thù hận, sống có trí tuệ giữa cõi đời nhiều tăm tối, sống có tha thứ độ lượng giữa những người ưa tranh chấp.

Trong tình trạng hiện tại của Đất Nước, Dân Tộc và Đạo Pháp, cúi xin Đức Phật gia bị cho tất cả chúng con biết ngồi lại bên nhau, biết mở mắt nhìn nhau, biết rộng lòng chấp nhận nhau để phá bỏ ty hiềm ngăn cách. Xin cho chúng con trong đố vỡ phân ly có khả năng hàn gắn, trong hoài nghi phủ nhận có đủ lòng tin cậy, trong chia rẽ chối bỏ có trái tim độ lượng để sẵn sàng tìm về bên nhau. Đã cùng nhau có được những năng lực nối kết như thế thì Đất nước sẽ thanh bình, Dân tộc sẽ an lạc, Đạo pháp sẽ hưng thịnh.

Chúng con tâm thành kính lễ Đức Phật

Ngày 23 tháng 8 năm 2003

Sa Môn Thích Mãn Giác

TẢN MẠN NHÂN SINH NHẬT 75

Huyền Không

Theo tuổi Việt Nam, năm nay tôi được 75 tuổi. Ngoài 70 tuổi, với người đời là thời an dưỡng. Với người tu là khoảng khắc quay về lo liệu cho thân tâm mình sau một đời dài mãi mê Phật sự. Tôi cũng thử quên đi công việc một đôi lần, cố đành lòng bỏ ngang các công trình dở dang vài ba bận nhưng sau đó, lại không thấy yên lòng. Một sự yên ổn riêng tư, một chọn lựa đào thoát trước những lời réo gọi, với tôi, là một sự tầm thường, một sự quên lãng khó tha thứ. Mà hành động gì, dù là Phật sự cũng khó tránh thoát phiền não, cũng vướng víu với những chướng ngại, cũng phải kiên nhẫn chịu đựng nhiều ngang trái... Tôi có 50 năm làm việc Đạo giữa đời, đã từng trải ý nghĩa của nụ cười và giọt lệ; đã mừng mừng tủi tủi trước bao cuộc nên hư, và còn lại trong lòng tôi tới giờ phút này là niềm thương và hy vọng nơi con người, những người tôi đã gặp, mọi nơi mọi lúc.

Vào Đạo từ bé. Tự tôi tập sống gắn bó với Đạo. Thiếu người chỉ giáo tôi tự lập thân trong nẻo sống của Đạo và tự nuôi dưỡng cho mình một tình yêu Đạo thấm thiết. Cái gì thuộc về văn hoá Phật Giáo đều là những hình ảnh đẹp in đậm trong tâm hồn tôi và chiếm ngự một chỗ thiêng liêng nhất trong trái tim tôi. Tôi khổ đau vô cùng trước những cố tình ngộ nhận, xuyên tạc, những đối xử thô bạo với những hình tượng văn hoá cao thượng, đẹp và lành đó nên cả đời tôi, tôi tự biến mình thành người bảo vệ thuỷ chung cho những giá trị đó. Thời còn là chú tiểu ở Thiên Minh, tôi thường thấy Thầy Mật Thể hay ghé thăm chùa và ưa đàm luận những câu chuyện văn nghệ với Thầy Trí Thuyên. Thấy tôi hay lảng vảng nghe lóm và tỏ vẻ ưa thích. Thấy dạy cho tôi học thuộc mấy câu thơ mà thầy đặc ý:

Đời ta ta sáng tạo

Lập chí như núi cao

*Vạch một thiên lịch sử
Sung sướng biết là bao*

*Đời ta ta sáng tạo
Lập chí như núi cao
Ngang tàng giữa thế giới
Vĩ đại biết là bao*

Không ngờ thơ ấy đi thẳng vào tâm hồn thanh xuân giữa độ tuổi như hoa của tôi và trở thành một thứ kim chỉ nam cho một đời tu sĩ trẻ. Trên con đường lập chí ấy, tôi được ôm vở tới Phật học đường Báo Quốc, được bố đi làm giảng sư và đảm trách Phật sự vùng cao nguyên, được đi du học Nhật Bản, được phó thác chăm lo công việc giáo dục, văn hóa của Phật Giáo Việt Nam. Cả một thời gian quá dài được sống, học tập và làm việc Đạo như thế, trên vai tôi cũng nặng bốn ơn lớn ở đời. Ôn nào cũng sâu, cũng nặng. Và đời sống của mình, với tôi, nếu có một ý nghĩa nào đó tôi có thiết tha lo cho Phật sự cũng giản dị chỉ để thực hiện ý nguyện đền ơn đó mà thôi.

Lịch sử Phật Giáo Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ 20 là gương mặt của một chuỗi biến động. Đã sống giữa lòng những biến động đó, khi có một khoảng cách để nhìn lại, tôi không thôi ngậm ngùi thương xót. Trên toàn cảnh bức tranh chứa đựng màu sắc nóng của đàn áp bách hại, lạnh của phá phách tiêu diệt, nắng của đấu tranh sôi sục, mưa của roi vọt tù đầy... đã hiện rõ bóng hình của những con người thực sự: những con người chối từ sự an thân ích kỷ, sự hèn nhát sợ hãi, sự đầu hàng bạo lực và chọn lựa cái chết cho kẻ khác được sống tươi tốt hơn. Tôi biết ơn đại nguyện thiêu thân của Ngài Quảng Đức và hơn 20 tăng ni khác, tôi kính phục sự hy sinh của các Phật tử, tôi đau nỗi đau của những người đả vì đạo mà bị

thương tích tột tận. Tôi xúc động vô biên trước những giọt nước mắt của cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền khi sẵn sàng giao phó cái sản nghiệp một đời của mình là chùa Xá Lợi cho chư tăng miền Trung làm trụ sở cho cuộc vận động tự do tín ngưỡng. Tôi thương Thầy Thiện Minh, người tù của cả ba chế độ ở Việt Nam đã chết lạnh lẽo nơi trại tù Hàm Tân. Còn biết bao nhiêu con người khác nữa, những người đã tích cực sống và mỉm cười để chết cho tất cả chúng ta. Ngày nào còn sống giữa đời này thì trên vai chúng ta còn mang nặng ân tình của những cái chết ấy.

Chính vì những tình cảm sâu nặng đó mà nhân ngày sinh nhật 75 tuổi của tôi lại trùng hợp với dịp kỷ niệm 40 năm pháp nạn 1963 nên tôi có ý định tổ chức một Lễ Tưởng Niệm thật chu đáo để đền đáp nghĩa tiền nhân. Lễ Tưởng Niệm này sẽ di chuyển từ ân chùa nhỏ hẹp Los Angeles đến một nơi rộng rãi hơn, quần chúng hơn để có được sự tham dự đông đảo. Cơ duyên đưa đẩy, cuối cùng, lễ Tưởng Niệm đã được diễn rat rang nghiêm và cảm động ở phòng sinh hoạt của Nhật Báo Người Việt. Trên 50 Tăng Ni và hơn 300 Phật tử đã góp mặt góp lòng cùng thực hiện một sinh hoạt tôn giáo của mình dưới nặng nề áp lực, sự phá rối và tâm lý sợ hãi... Những biểu hiện tiêu cực đó cũng là những điều bất ngờ làm cho tôi phải suy nghĩ. Bên cạnh nỗi buồn thoáng qua từ những suy nghĩ ấy, tôi cũng có được niềm vui (cũng bất ngờ) từ một vị khách người địa phương, Bà Margie L. Rice, thị trưởng Westminster đã tới tham dự lễ, mang theo những lời cảm thông và chúc mừng cho tôi và Phật tử Việt Nam qua ý nghĩa thiêng liêng của lễ Tưởng Niệm. Lời chúc mừng này cộng với sự có mặt thân thương của Tăng Ni và Phật tử trong ngày kỷ niệm ấy là món quà sinh nhật quý giá nhất cho tôi năm nay.

Cầu Phật gia hộ cho chúng ta.

TA GỌI XUÂN VỀ

Huyền Không

Ta gọi xuân về, xuân ở đâu
Núi sông xa lạ nắng vương sầu
Tâm tư một kiếp còn nguyên vẹn
Thế sự bao lần hoá biển dâu

Ta gọi xuân về, xuân vẫn đang
Mêng mông trời biển gió thênh thang
Ngồi trong đêm lạnh nghe hương nhớ
Chùa cũ, vườn xưa hoa cải vàng

Ta gọi xuân về, xuân đến chưa
Hồn xuân chưa đến giữa mong chờ
Hương xuân chưa ấm hồn dân tộc
Ngày tháng đi về trong ước mơ

Ta gọi xuân về, xuân quá cao
Lệ đâu ray rứt mãi tuôn tràn
Chuông xưa không đánh mà vang vọng
Tiếng pháo giao thừa mãi khát khao

Ta gọi xuân về, xuân đại dương
Khói chiều lam quyện bóng quê hương
Sóng dâng dào dạt tình thương nhớ
Nam Việt kêu hoài vẫn nhớ thương

Ta gọi xuân về, Xuân ở đây

Hai tay nâng một đoá hoa này
Đong đưa cánh bướm vàng bay đến
Đã thấy xuân về với cỏ cây

Ta gọi xuân về, Xuân bướm bay
Trang Sinh nằm mộng biết bao ngày
Thời gian dù có ngàn năm nữa
Xuân đến lâu rồi, ai có hay

Ta gọi xuân về, xuân của ta
Tâm xuân tô điểm cõi Ta Bà
Như trăng chiếu xuống khắp trần thế
Mỗi một con người mỗi đoá hoa

Ta gọi xuân về, xuân tự nhiên
Thoáng trong hơi thở có hương Thiên
Cành mai, khóm Trúc vương mùi Đạo
Thế giới trong ta lắng não phiền

Ta gọi xuân về, xuân lặng thinh
Đẹp như trời mộng Kim Cang Kinh
Trước chùa một cánh đào xinh nở
Là cả vườn xuân của thái bình

BÓNG MÁT

Tu viện Lộc Uyển mùa này khá nóng. Những mảng rừng thấp bên triền núi Yên Tử lở chỗ vàng chịu đựng cho tới cuối thu. Chúng tôi ngồi trong phòng trà nhìn trời xanh mênh mông tự hỏi có mảng mây nào về che mát cho Đại ẩn sơn không, hay trời cứ cao, nắng cứ râm hồng như thế mãi. Tất nhiên nhịp điệu của đất trời cứ vô tình vận hành như vậy, nhưng không gian Lộc Uyển lại biến đổi mát lạnh vào buổi tối khi chúng tôi đón Ôn Hội chủ về thăm và chơi Trung thu với chúng tôi.

Năm nay, Ôn đã bước vào tuổi bảy mươi lăm. Bóng mát Ôn tạo ra cho nhiều thế hệ Tăng Ni Việt trải rộng theo bước chân hành đạo. Từ quê hương Việt Nam vào thập kỷ 60 đến đất nước này vào thập kỷ 80 đã hình thành một chân đế cho những người trẻ tương lai thiết kế công trình Phật pháp. Chúng tôi đón Ôn bằng tất cả niềm xúc động và bồi hồi. Ôn đã vượt ngàn ấy đường xa mệt nhọc, đến với một nhóm Tăng Ni trẻ, để nhìn ngắm họ bằng ánh mắt thương yêu chăm chút, đọc cho họ nghe những câu thơ lai láng đạo tình, đậm đà chất vị ngọt ngào của núi Ngự sông Hương, kể cho họ nghe những tháng ngày đấu tranh và pháp nạn của Phật giáo 1963. Nụ cười thật hiền, giọng ấm trầm chất Huế, chuyên chở một bề dày trải nghiệm đời, đạo gian truân. Ôn đã đưa anh chị em chúng tôi và Phật tử Lộc Uyển về tắm lại dòng sông văn hoá Việt, khơi niềm xót xa thương đạo, thương Quê hương khó nghèo vật vã năm xưa nơi lòng thánh chúng, và nhất là gợi mở hướng đi cho thế hệ tương lai đem đạo vào xã hội Tây phương như các bậc Thầy đã từng mơ ước. Chúng tôi, cả một đạo tràng tỉnh lặng như rừng cây hạ được bóng mây che mát. Sự hiện diện chăm chút tinh thần của Ôn đêm nay là món quà Trung thu lớn nhất cho Tăng thân Lộc Uyển. Ngoài kia

trăng Trung thu còn khuất núi, nhưng trong thiên đường xóm Vũng Chãi chúng tôi đã thấy “kháp chùa dào dạt ánh trăng thanh”.

Cách nay hơn 50 năm câu thơ “*Mái chùa che chở hồn dân tộc. Nếp sống muôn đời của tổ tông*” Ôn viết, giờ không chỉ có mặt trong lòng người con Phật mà đã trở thành câu ca dao của người Việt khắp nơi. Ôn bảo: “*Thơ đôi khi đến với người một cách tình cờ, không cần kiếm tìm mới gọi. Thế nhưng khi thơ đâu lại thành chữ nghĩa thì thơ được con người chấp cho đôi cánh để bay thật rộng thật xa...*” Chúng tôi xa quê hương ngút ngàn; không được nuôi lớn bằng lời ru, câu hò, điệu lý nhưng nghe Ôn đọc bài “Nhớ chùa” tự nhiên nghe lòng trời dậy niềm thương Đạo, thương Quê. Thì ra, Ôn đã đi qua nhiều dâu bể, đã chịu bao nhiêu chuyện nhọc nhằn thế sự- “*Đường đời đã nhọc chuyện hơn thua*”- ấy thế mà, lời tâm tình của Ôn vẫn rạng rỡ tinh khôi. Không có bóng dáng của áu khứ trĩu nặng thị phi, không có vơi vợi sâu tư của tương lai lo lắng. Dường như với Ôn người nào cũng dễ thương, không gian nào cũng trong sáng, cảnh trí nào, tâm thức ai cũng ngọt ngào hương. Quả là “*Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh*”, như Ôn viết.

Ôn kể cho chúng tôi nghe buổi triển lãm “*Kỷ niệm 40 năm pháp nạn Phật giáo Việt Nam*” cả những mẫu chuyện chèn ép, kỳ thị trước pháp nạn 63. Chúng tôi lặng lẽ xúc động khi hình dung lại những gia đình Phật tử bị bức bách rời đất đai nhà cửa, rời mồ mả ông bà thân yêu từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến khu Dinh Điền tận Pleiku xa xôi theo thượng lệnh. Ở nay, họ không được phép thiết bàn thờ Phật, không được thắp hương. Họ lén dán bức ảnh mẹ hiền Quán Âm nơi cột nhà, đợi đến tối khép cửa, cài then, tắt đèn rồi cả nhà ngồi quanh lấy thăm niệm “*Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát*” và đánh lễ. Ôi! Sao mà thương cho quần chúng Phật tử Việt Nam thời ấy quá. Đạo Phật đã trở thành tố chất căn bản làm nên đặc tính văn hoá Việt Nam và cả niềm tự hào cho người Việt Nam với quá khứ trải dài cùng chịu thăng trầm với lịch

sử mở nước và dựng nước. Vậy mà vào giai đoạn cận đại của thập niên 60-70 lại rất đau thương, niềm đau này lại có mặt bao lâu nào ai biết. Chỉ biết rằng một số người muốn loại bỏ đạo Phật ra khỏi tâm thức người Việt. Muốn thay gốc rễ của cả một dân tộc đã tồn tại với nền văn hiến mấy nghìn năm. Dĩ nhiên, hiện tại có người vẫn còn muốn sửa lại lịch sử pháp nạn năm xưa hầu thay gốc tháp cảnh cho quê hương một lần nữa. Việc Ôn tổ chức triển lãm có người đã nói: *“Quá khứ đã đi qua, Ôn khơi lại để làm gì. Ôn hãy dành thì giờ của tuổi già ngắm trăng làm thơ là hơn.”* Ôn bảo: *“Đây là việc đáng làm và phải làm, tôi đã đợi các vị tổ chức, nhưng bao năm đi qua không ai nhắc, nay tuy tuổi đã già năng lực không còn nhưng xin hứa phải làm cho được. Ví như chỉ có một người đến dự thì vẫn triển lãm.”* Hơn ai hết Ôn biết rằng: Không ý thức về bài học quá khứ người ta dễ tái lập lại nó trong hiện tại. Những chứng nhân lịch sử còn đây, những tài liệu, hồ sơ pháp nạn còn đó, không bảo trì và hạc hóa hôm nay thì ngày mai, ngày mốt, ngày kia thế hệ nhân chứng qua đi, sự xuyên tạc, bôi xóa, đánh phá văn kiện; gậm nhấm, đầu độc tâm thức người Việt trẻ nơi này và trong nước sẽ có mặt- và đang có mặt. Trong khi ấy độc chất nào cũng dễ lây lan, chất độc trong văn hóa sẽ nguy hiểm vô cùng cho lịch sử, nó cắt rời dòng chảy liên hệ và trách nhiệm với tiền nhân. Lúc ấy niềm đau mất gốc của dân tộc càng lớn lao vô kể. Tất nhiên cuộc triển lãm của Ôn đã làm xúc động bao trái tim người Việt hải ngoại. Họ đến để chiêm nghiệm, để thương cho đạo Phật thật lành, thật đẹp, thật chân. Thương cho những người con Phật can trường chịu đựng và bất bạo động. Thương cho quê hương bé nhỏ mà chịu bao nỗi thăng trầm của lịch sử. Có lẽ điều thành công lớn lao nhất của cuộc triển lãm này là công bố một tài liệu lịch sử lưu lại cho nhiều thế hệ mai sau. Trong ấy tuy trưng dẫn vô vàn hình ảnh và văn bản đau thương do chế độ kỳ thị tôn giáo gây nên, nhưng không hề có dấu vết của sự hận thù đòi đánh trả của người con Phật. Là chứng nhân của một

giai đoạn lịch sử, Ôn đã can trường nhận lấy trách nhiệm bảo trì, công bố những tài liệu có nguy cơ chìm vào quên lãng. Dĩ nhiên trách nhiệm ấy lớn và nặng. Nó như tiếng gằm lay động giấc ngủ con người. Tài liệu này sẽ tồn tại cho cả một lịch sử dân tộc, đánh vào trái tim nhân ái của con người trong xã hội tiến bộ hôm nay và ngày mai.

Đêm đã về khuya, chúng tôi ngồi quân bên chân Ôn, nghe Ôn truyền đạt nỗi lòng, ngẫm ý trao cho thế hệ Tăng ni trẻ ý thức được trách nhiệm của mình đối với quần chúng Phật tử. Họ có thể bị khổ đau vùi dập hay an lạc tu hành theo đạo Phật tùy thuộc vào khả năng trách nhiệm giáo dục lịch sử của quý Tăng ni. Câu thơ ngày xưa Ôn viết: “...*Có những cây mai sống trọn đời; Bên hàng tùng bách vẫn xanh tươi*”. Lắng nghe Ôn dạy, nhìn Ôn thật kỹ, chúng tôi bỗng nhận ra một điều Ôn là gốc Mai già dày dặn, nhưng vẫn cho ra những nụ Mai vàng rực rỡ cuối đông. Có điều chúng tôi biết mình chỉ là hạt cát nhỏ nhoi, vẫn chưa là tùng xanh, chưa vươn lên được tầm cao như Ôn mong mỏi, và cũng chưa có bề dày trải nghiệm nắng mưa như lời Ôn nhắc nhở đợi chờ. Ngoài thiền đường trăng đã lên cao, tròn vành vạnh, rải ánh bạc lung linh trên núi đôi Đại ẩn. Bên trong thiền đường dưới chân “Đức Phật từ bi mỉm miệng cười”, nụ cười Ôn hiền và đẹp như lời thơ.

Tu viện Lộc Uyển,
Rằm Trung thu năm Quý Mùi 2003
(Tặng thân Lộc Uyển ghi)

ĐÊM NAY TRÒN TRĂNG

Nhất Hạnh
tặng Huyền Không

giấy thơm
mang mang kho huyền sử
ly nước xanh
cười nước mắt thuỷ tinh
đã cao vườn từng lớp sóng bạc đầu
và tảng đá lạnh
gối sương mù
đỉnh cao gió hú
tôi thức dây chót lưỡi tê
hạt sương ngọn cỏ trời khuya
bỗng ánh sáng xuyên ngang
lưỡi gươm loé
chớp giật
những đám mây chạy mau
Phương đông giục già tiếng kèn
chiếc áo tơ năm nào
gió đuổi lá bay...
nét bút anh
màu nâu.
trên cành tay nắm màu sương gió
màu nâu
trên ruộng đồng năm nào mồ hôi tưới lúa
giờ phút này tinh cầu luân lạc giữa trời cao
lay chuyển cánh chim bằng
không gian từng vũng
toé tung nổ vỡ
một mặt trời đang ngụp lặn ngoài kia

kính như mắt đỏ
ống kính tôi thu hình tiền sử
then cửa đã vừa bỏ lỏng
vạn kiếp xưa đã từng gài nẻo tương lai
Sáng nay lòi ra bên rừng chim hót
em thoát về
trên ngô biếc
những búp tay chồi non, nụ hoa đọt mướp
núi không gian
bàn tay
bàn tay nâng chiếc đũa người nghệ sĩ tài ba
lùa vũ trụ âm thanh
về ngưỡng tụ
vào đêm không tịch tịnh
chói!
lần đầu tiên đôi mắt trẻ thơ vào đời
nụ cười trong mắt
bà mẹ quê
củ hành búi tóc
lá tre chiều gom đốt
không gian um khói ấm
Bụi cười sau mây hiền dịu
đêm nay tròn trăng

MỪNG ÔN THỌ TUỔI 75

*Chư Tăng chùa Việt Nam
Los Angeles*

Ở những thập niên 60-70, giới văn nghệ sỹ Việt Nam dường như không ai mà không biết đến tên thi sỹ Huyền Không qua những thi phẩm viết về Phật Giáo Việt Nam mang đậm tình quê hương, dân tộc. Nhưng sẽ ngạc nhiên hơn khi biết rằng Nhà thơ Huyền Không là một nhà sư uyên bác và là một trong những tu sỹ Việt Nam đầu tiên có học vị tiến sỹ mà hàng Tăng ni Phật tử Việt Nam thường quen gọi là Ôn Mãn Giác. Mặc dầu không phải là người Việt Nam đầu tiên truyền bá Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, nhưng hẳn ai cũng thừa nhận rằng Ôn là *chiếc cầu nối* để các thế hệ tăng ni hiện tại truyền bá Phật Giáo Việt Nam vào đất Mỹ.

Tiếp nối con đường hoàng hoá từ Ôn Thiên Ân, Ôn với ngôi chùa Việt Nam trong hơn 20 năm qua đã liên tục tiếp đón chư tăng từ Việt Nam sang trú ngụ; và lần lượt các vị này mỗi người một ngã tiếp tục truyền bá Phật Giáo. Cho đến nay, hầu hết các tiểu bang ở Mỹ đều có chùa do chư Tăng Ni Việt Nam hành đạo, và không ít các vị tăng nổi tiếng ở Mỹ đã xuất thân từ chùa Việt Nam, ngôi chùa Việt Nam đầu tiên được xây dựng tại Hoa Kỳ vào năm 1976.

Mặc dầu đã bước vào tuổi “thất thập cổ lai hy” nhưng Ôn vẫn còn nặng tình với đạo pháp và dân tộc, đặc biệt là luôn hoài niệm về Phật giáo tại quê nhà. Ở những năm 60, khi Phật giáo Việt Nam lâm vào pháp nạn, Ôn đã tận tụy tới các toà Đại sứ ở nước ngoài để kêu gọi sự hỗ trợ. Lúc chính quyền CS Việt Nam kết án tử hình các Thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thác, thì Ôn bên này tổ chức biểu tình, vận động dư luận quốc tế lên tiếng. Và gần đây nhất, Ôn đã đứng ra tổ chức tưởng niệm 40 năm Pháp nạn Phật Giáo Việt Nam 1963-2003...

Lùi về quá khứ, khi còn làm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Ôn đã nhiệt tâm vận động tài chánh cho các sinh viên xuất dương du học, trong số đó có Hoà Thượng Thích Đức Niệm

(Phật Học Viện Quốc Tế ở Hoa Kỳ) và một số các vị Tăng tài hiện đang hành đạo ở nhiều nơi trên thế giới. Ở những năm mà đất nước tràn đầy biến động, với tư cách là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hoá Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Ôn đã đứng ra tổ chức Đại Hội Văn Hoá Phật Giáo Việt Nam vào cuối năm 1974. Đây là lần đầu tiên một Đại Hội Văn Hoá Phật Giáo được tổ chức và quy tụ những nhà văn hoá hàng đầu của Việt Nam nhằm duy trì và bảo vệ truyền thống cao đẹp của Phật giáo trước những thách thức của thời cuộc.

Có thể nói rằng, cuộc đời của Ôn đã gắn liền với mạng mạch của Phật Giáo Việt Nam, cả trong nước lẫn quốc tế. Những ai đã một lần diện kiến Ôn đều thấy rằng Ôn là một con người đầy tình cảm và nhiệt thành. Ba đức tính được thể hiện rõ nhất trong con người của Ôn đó là tấm lòng thiết tha với quê hương, Đạo Pháp và Dân Tộc. Hầu hết những tác phẩm văn chương của Ôn, đặc biệt là thi phẩm đều khắc hoạ rất rõ hình ảnh của ba đức tính trên:

*“Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông...
(Nhớ Chùa)*

Năm nay, Ôn bước vào tuổi 75. Tuy thân thể đã mỗi mòn, nhưng tâm hồn vẫn thường lạc như ngày nào: *“Ta từ sanh tử về chơi, ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng.”* Ôn vẫn sống, làm việc và tu niệm điều độ; vẫn đọc sách, viết văn, làm thơ; và, vẫn dạo chơi trên phố phường “sinh tử”. Có lẽ, Ôn đã thấy rằng quê hương của Niết Bàn là trần thế! Kỷ niệm sinh nhật lần thứ 75, chúng con nghĩ đến Ôn, nghĩ đến cái gì đó quả tình cao đẹp của hôm qua, ngày nay và ngày mai. Cầu nguyện chư Phật ở mười phương gia trì và bảo hộ Ôn để ngọn đèn thiền luôn sáng tỏ.

Xin vĩnh hằng trong chúng con.

TÌNH ÔN NHƯ BIỂN CẢ

Hoà Thượng Thích Tịnh Từ
Viện trưởng Tu Viện Kim Sơn
(Watsonville)

*Tình Ôn như biển cả
Như mẹ hiền Quan Âm
Đầy năng lượng từ ái
Đến đi như mây trời*

*Ôn qua đây một phút
Lòng trong vắt tháng ngày
Nụ xuân vui để lại
Ngàn sắc hương nhiệm màu*

*Lời Ôn, như suối ngọt
Sức sống dậy đơm bông
Tình Cao Sang trải rộng
Mặt Đại- Dương kêu hùng*

*Nụ cười đơm hạnh phúc
Tình Ôn thơm mặn nồng
Bão tràn qua cổ thụ
Cây xanh ngàn vạn niên*

HÓA ĐỘ

Sáng nay trời mát dịu hẳn đi. Những oi bức của trời hè như sẵn sàng nhường bước cho những làn gió nhẹ đầu thu. Trời cao và xanh hơn. Những hàng cây trước sân chùa phát phơ những ngọn tươi khoẻ. Màu cây lá như hoà vào màu da trời. Những sợi nắng vàng óng vắt qua cành lá, đổ xuống sân. Tất cả sáng lên trong khung cảnh thật thanh tịnh.

Mãi thần thờ với cảnh đẹp trước sân, quên cả nhiệm vụ của mình. Hôm này ngày lễ quy y của Nghiêm Xuân Cường cùng cô chị và người cháu. Đây là một nhân duyên kỳ lạ vì mỗi người mỗi nơi. Ôn ở Los Angeles, tôi ở Connecticut còn Cường ở gần Chicago. Cả ba nằm trên trục Đông Bắc- Tây Nam, đường cắt xéo từ đầu này sang đầu kia của nước Mỹ. Và đây là lần đầu tiên Ôn và tôi được gặp Cường. Tuy lâu nay vẫn liên lạc nhau bằng điện thoại, nhưng mãi đến giờ mới “kiến kỳ hình”. Nhờ hồng ân tam bảo gia hộ mọi người tình cờ gặp nhau tại chùa Việt Nam, ngôi chùa đầu tiên của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại. Nơi đánh dấu bước đường hoằng pháp gian nan của chư tôn đức cùng với đoàn người lưu vong sang tận miền cực Tây xa xôi lạnh lẽo này. Không biết đây đã sắp đến Tây Phương Cực lạc chưa hay chỉ là vùng biên địa nơi mà ánh sáng chánh pháp hãy còn heo hắt?

Lần theo những bậc thang tôi vào phương trượng lễ Ôn. Trông Ôn ốm nhiều và khoẻ ra. Nhưng nét vui tươi và lạc quan vẫn rạng ngời trên gương mặt từ ái của Ôn. Tuy dư âm những mệt nhọc ưu tư cho ngày Tưởng Niệm Bốn Mươi Năm Pháp Nạn vẫn còn. Công việc không đơn giản. Nội ma ngoại chướng. Sự phá phách từ ngoài lẫn trong có lúc tưởng chừng như bỏ cuộc. Nhiều đêm Ôn không ngủ được, nghĩ thương cho những nạn nhân của chế độ, cho những người đã hy sinh cho sự tồn vong của đạo pháp. Bốn mươi năm qua nhưng sự tri ẩn đó vẫn sâu đậm như ngày nào. Những người đó nằm xuống để chúng ta hôm nay còn được lư hương bát nước. Làm sao quên được ân đức đó, làm sao bỏ mặc đi được. Đạo lý ân nghĩa của

người Phật tử không cho phép chúng ta làm như vậy. Có người bị hù dọa đã bỏ cuộc hoặc bị lung lạc bởi sự tuyên truyền từ bên ngoài. “*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*”. Đó là cái Dũng của người con Phật. bao nhiêu năm bị tù đầy, tra tấn, thủ tiêu, nhưng tấm lòng son sắt với đạo pháp vẫn vững bền. Ngày nay pháp nạn vẫn còn tiếp tục từ quốc nội đến hải ngoại, do những thế lực vô minh quốc tế cũng như nạn sư tử trùng. Tưởng Niệm Bốn Mươi Năm Pháp Nạn như gióng lên tiếng chuông để mọi người thức tỉnh hiện trạng của Phật giáo để tìm phương cứu chữa. Trong quyết tâm đó và với sự gia trì của Long Thiên Hộ Pháp buổi lễ Tưởng Niệm đã vượt qua bao trở lực để thành công viên mãn. Bây giờ công việc đã xong Ôn trở lại với những công việc thường nhật của mình.

Một lúc sau Cường, chị và cháu đã đến cùng với những người bà con. Cường là cháu của cụ Nghiêm Xuân Hồng, là người rất có đạo tâm và thích làm thơ viết nhạc. Sự tìm đến Đạo của Cường như sự khám phá ra viên ngọc quý trong mình. Lâu nay vẫn cứ mang trong người nhưng không nhận ra, bây giờ lớp đất che phủ bên ngoài đã vỡ ra để sự lấp lánh của viên ngọc hiển lộ. Vẻ đẹp sang trọng, vẻ sáng rực rỡ của viên ngọc khiến người bàng hoàng, kinh ngạc, im lặng chấp tay kính ngưỡng. Hạt giống Đạo Giải Thoát mà cụ Nghiêm Xuân Hồng đã gieo vào trong tâm khảm của Cường cũng như mọi người trong gia đình, ngày nay đã đâm chồi nảy lộc. Đây là cuộc hành trình tìm về chân tâm của mình, trở về với suối nguồn bát ngát của đạo học đông phương để khám phá rằng hạnh phúc ngay trong tầm tay của mình và ở ngay trước mắt:

*“Con đã về đây bên Thế Tôn
Áo xưa dũ sạch dấu ưu phiền,
An nhiên chân bước qua sân vắng*

Cả một trời hoa trong mắt xanh

(Thơ Nghiêm Xuân Cường)

Từ đạo tình qua những lần tham vấn cộng mỗi duyên văn nghệ với Ôn, Cường cùng chị và cháu đã quyết định quy y. Trước giờ cử hành lễ, tôi hỏi Cường: “Sao không rủ vợ cùng con về quy y luôn?” Cường cười đáp: “Cô ta khôn lắm, bảo chờ xem con làm ăn ra sao rồi mới quyết định!” Trong buổi lễ, sau phần truyền giới tôi nhắc lại câu chuyện đó và thêm: “Cường thì nhất định phải làm ăn khấm khá rồi!” Mọi người cùng cười chia vui với Cường.

Hôm nay với sự tham dự của chư Tăng chùa Việt Nam, buổi lễ cử hành trong sự trang nghiêm, cảm động và thân mật. Âm thanh của những điệu tán tụng đầy thiên vị của nghi lễ đất thần kinh hoà trong tiếng mõ ấm áp và tiếng chuông thanh thoát, gợi trong ta hình ảnh của một ngôi chùa bên bờ sông Hương lặng lẽ. Trong ánh nến lung linh và khói trầm lan nhẹ, những nét đại tự trên bức hoành phi sáng rực lên. Không ai có thể nghĩ rằng mình đang ngôi giữa thành phố Los Angeles, thủ phủ hoa lệ của tiểu bang California.

Tuy tuổi già, sức khỏe yếu kém và công việc đa đoan. Ôn vẫn từ bi để chứng minh chủ lễ. Giọng xướng sang sảng của ôn vang dậy cả chánh điện. Lời dạy của Ôn đầy cả tình cảm tha thiết với cố học giả Nghiêm Xuân Hồng, người đã có những công trình nghiên cứu nghiêm túc về Phật Giáo, cũng như văn hoá dân tộc. Từ khi sang Mỹ, cụ đã đóng góp tích cực trong việc hoằng pháp tại đây và thường xuyên giảng những bộ kinh quan trọng như Kim Cương, Duy Ma Cát, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sau lễ quy y, Ôn đặt pháp danh cho Cường là Tịnh Nghiêm để tưởng nhớ cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng. Người chị và cháu của Cường cũng được pháp danh Tịnh Hương và Tịnh Hải, cũng trong ý nghĩa tưởng niệm đó. Riêng em Tịnh hải nghe Ôn dạy về ý nghĩa của pháp danh cứ nghĩ rằng Ôn đã nhìn suốt được cuộc đời của em, tuy rằng đây là lần đầu Ôn

gặp mọi người. Để cảm tạ lòng từ ái của Ôn và đại chúng, Cường đã hát tặng bài hát được phổ nhạc từ thơ của Ôn:

*“Ô hay xuân đến bao giờ nhĩ,
Nghe tiếng hoa khai bỗng giật mình
Sáng nay thức dậy choàng thêm áo
Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh*

(Thơ Huyền Không)

Mùa xuân đây là mùa xuân vĩnh cửu, nhà thơ với tâm linh trong sáng, cực kỳ linh mẫn đã nghe tiếng hoa khai để trực nhận chân tâm của mình, đề nhìn thấy suối nguồn hạnh phúc tuôn tràn trong mình. Choàng thêm áo tu tập để giữ lửa giác ngộ và cánh cửa giải thoát rộng mở thênh thang. Chung quanh hôm nay như mới lạ. Cảnh vật hiện ra trước mắt đẹp lạ thường: *“Một vùng như thể cây quỳnh cành Giao” (Kiều)*

Chùa Hải Ấn, đầu thu Quý Mùi (2003)
Thích Trí Hoàng

TẤM LÒNG VÌ ĐẠO CỦA THẦY

*(Đôi dòng cảm nghĩ nhân dịp sinh nhật lần thứ 75
của Hoà Thượng Thích Mãn Giác)*

Phước Sơn

Theo dòng biến chuyển của lịch sử đất nước, sau năm 1975, quê hương đang lật qua một trang sử mới, do đó gặp rất nhiều thử thách cam go.

Thầy cũng như bao người khác nén nỗi đau thương, rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, vượt qua trùng dương nguy hiểm, để tìm lấy sự sống. Những người khác cố gắng đem theo những gì có thể mang theo được để làm hành lý hộ thân, riêng Thầy chỉ mang theo tập tài liệu Pháp nạn Phật giáo 1963 như một bảo vật mà Thầy trân quý hơn cả sinh mệnh của mình. Lúc đầu mới định cư, vừa thoát khỏi sóng gió trên mặt biển thì ga95p phải biết bao sóng gió trên bờ, khiến Thầy cũng như các pháp hữu phải lặn độn ứng phó với bao điều phức tạp, trải qua hai mươi mấy năm trường. Đến nay 2003, vừa đúng 40 năm pháp nạn (1963- 2003), Thầy đứng ra đề xướng và kêu gọi đồng bào hưởng ứng làm lễ tưởng niệm 40 năm pháp nạn. Mục đích việc làm ấy thật là trong sáng và chính đáng, nhưng cũng gặp khá nhiều trở lực từ trong ra ngoài. Tuy vậy, Thầy vẫn quyết tâm giữ vững lập trường trước sau như một; cuối cùng đã khắc phục được mọi trở lực, tổ chức lễ kỷ niệm thành công mỹ mãn, nhằm ba mục đích như sau: Một là nhằm tưởng niệm công đức của các bậc tiền bối, các thánh tử đạo và những Phật tử vị pháp vong thân. Hai là kiểm điểm những Phật sự trong 40 năm qua, những gì đã làm được và chưa làm được. Thứ ba là vạch ra một chương trình hành động phù hợp với thực tế và đáp ứng được những yêu cầu của thời đại. Trong buổi lễ tuy có nhắc đến nguyên nhân gây ra pháp nạn, như nhắc đến đế mà hoá giải chứ không phải nhằm kêu gọi hận thù. Vì lẽ, người Phật tử hiểu rõ hơn ai hết tinh thần từ bi của Phật

dạy: “Không thể dùng hận thù để tiêu diệt hận thù, mà chỉ có thể lấy tình thương để xoá bỏ hận thù”.

Cũng như dân tộc ta hằng năm vẫn làm lễ tưởng niệm công lao của các anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, Hoàng đê Quang Trung, đâu phải vì sợ ụy kỵ, nhắc đến tên giặc Nguyên, giặc Thanh mà không làm lễ tưởng niệm. Bởi vì “ăn trái nhớ người trồng cây” vốn là đạo lý cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

Ngày 4 tháng 7 vừa qua, tôi có nhân duyên được tham dự buổi họp mặt của Hội Ái Hữu cựu sinh viên Đại Học Vạn Hạnh. Trong buổi họp mặt này, ngoài sự chứng minh của Thầy còn có các giáo sư Trần Ngọc Ninh, Tôn Thất Thiện, Doãn Quốc Sĩ và các Thầy, Cô khác. Về phía Ban chấp hành của Hội có các anh Thân Trọng Nhân, Lê Văn Thạnh, Khổng Trọng Hinh, Nguyễn Bé,... tuổi tác của các anh cũng xấp xỉ trên dưới 60, không cách biệt với các Giáo sư bao nhiêu, thế mà mỗi lần nói chuyện với Thầy, họ đều xưng **con** một cách hồn nhiên, lễ độ và đầy vẻ thân tình. Chứng kiến cảnh tượng ấy, tôi thật sự xúc động và hãnh diện về môi trường giáo dục của Viện Đại Học Vạn Hạnh, một môi trường nhân bản đầy đạo vị, do đó mới đào tạo được những mẫu người như thế. Tôi hiểu rằng chính Thầy là người đã tốn nhiều tâm lực hoài thai, cứu mang và nuôi dưỡng biết bao thế hệ sinh viên nên ngày nay mới hình thành được một Hội Ái Hữu mang đậm tình người. Và hiện tại họ thật sự cảm thấy rất hạnh phúc trong tình huynh đệ đồng môn.

Thầy xuất thân từ một gia đình có truyền thống nhiều đời thậm tín Phật Pháp. Sau khi xuất gia không bao lâu, Thầy đã tỏ ra xuất sắc nên được Thầy yêu, bạn mến, đường đạo thênh thang trước mắt. Đặc biệt nhất là Thầy có một hồn thơ dạt dào, giọng thơ mượt mà, lưu loát, thâm trầm, đầy đạo vị, như những dòng thơ sau đây:

*Từ thuở ra đi vắng bóng chùa
Đường đời đã nhọc chuyện hơn thua*

*Trong tôi bừng dậy niềm chua xót
Xao xuyên mơ về lại cảnh xưa*

Hay:

*“Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông”*

Những câu thơ này có sức mạnh truyền cảm, dễ thâm nhập lòng người, nên đã biến thành những câu ca dao khiến ai cũng có thể thuộc nằm lòng.

Cũng như mỗi độ xuân về không mấy ai trong chúng ta quên được những bài thơ xuân của Thầy:

*“Ô hay xuân đến bao giờ nhỉ,
Nghe thấy hoa khai bỗng giật mình!
Sáng nay thức dậy choàng thêm áo
Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh”*

Vào ngày đầu xuân trong không khí đất trời đang chuyển động, tâm hồn ta như giao hoà cùng vũ trụ bao la.

Thiết nghĩ, trong lòng thơ đạo của thế kỷ 20, địa vị của Thầy đã được xác lập và có lẽ không nhường cho bất cứ một ai.

Thành kính nguyện cầu Phật lực từ bi gia bị Thầy được pháp thể khang an, luôn luôn chân cứng đá mềm, làm tàng cây che mát cho Tăng Ni trẻ và hàng Phật tử hải ngoại để họ đủ nghị lực vượt qua những cơn nắng lửa mưa dầu và những trận phong ba bão tố.

TÌNH ÔN

Thân Trọng Nhân
Cựu Sinh viên Đại Học Vạn Hạnh

Thưa Ông, nếu nói về tâm tình bao la mà Ông đã dành cho chúng con, những học trò của Ông ngày nào, thì có lẽ khó có thể diễn tả trọn vẹn được vì tâm tình đó quá ấm áp, ân cần và vô cùng sâu đậm.

Từ những ngày dưới mái trường Vạn hạnh ở quê nhà, với cương vị là Phó Viện Trưởng kiêm Giáo sư, Ông đã chia sẻ với nhiều lớp sinh viên chúng con biết bao trăn trở, buồn vui trong từng sinh hoạt lớn nhỏ. Những kỷ niệm đẹp và đầy ý nghĩa ấy vẫn luôn luôn trong tâm mỗi chúng con, trau chuốt như một chương trong quyển nhật ký đời mình. Và hẳn có dịp gặp gỡ lại hào hứng kể cho nhau nghe như một bằng chứng về những ngày xưa thân ái dưới mái trường thân yêu, bên sự chăm sóc thật ân cần của Ông.

Rồi hơn hai mươi năm đã trôi qua trên đất nước tạm dung, Ông vẫn tiếp tục trải rộng tấm tình đó đến với anh chị em chúng con nhưng gần gũi hơn, thân thiện hơn và ý nghĩa bồi phần hơn. Ông đã khởi xướng, xây dựng, và luôn luôn khuyến khích, cổ vũ những hoạt động của Hội Ái Hữu. Qua bao lần họp mặt bất kể gần xa, mưa nắng, đông lạnh hay hè nắng chói chang bao giờ Ông cũng đến với nụ cười, với lòng yêu thương đầm thấm chứa chan.

Từ xưa đến giờ, từ việc học hành đào tạo cho đến các sinh hoạt sinh viên, từ việc Hội đến những vui buồn đời thường của từng cựu sinh viên, bao giờ chúng con cũng cảm nhận được đằm tựa vũng vàng mà Ông đã dành cho.

Điều đáng quý hơn hết là từ những bài học trên bục giảng ngày nào ở giảng đường Đại học Ông đã từng bước xuống sân trường hỗ trợ mọi hoạt động sinh viên thì ngày nay cũng vậy, trong các dịp họp mặt hàn huyên Ông đều hướng dẫn chúng con nuôi dưỡng tình

yêu quê hương, yêu quê cha đất mẹ- vì đây chính là mối tình sâu đậm, canh cánh trong lòng Ôn.

Ôn đã từng đau chung với những mất mát, khi bằng hữu của chúng con chẳng may vắng số. Những dòng nước mắt khóc cho chiếc lá xanh lia cành đã khiến chúng con xót xa là ngần nào. Những lời kinh Ôn đọc chuyên chở vỹ về hồn ai trong cõi vô minh biết bao.

Ôn cũng không bao giờ quên chúng con trong những ngày vui xum vầy. Ôn đến với nụ cười hiền hoà làm rạng rỡ thêm hạnh phúc hợp đoàn. Ôn là biểu tượng của tình cha cao cả, là nơi nương tựa mà chúng con đặt trọn tin yêu.

Quê hương tình nặng trĩu lòng

Đoá sen hương tỏa ngát dòng sông xưa...

MÁI CHÙA CHE CHỖ HỒN DÂN TỘC ⁽¹⁾

TT. Thích Như Điển (Đức)

Người Việt ra đi đã bỏ lại sau lưng tất cả và trong ấy có bỏ lại ngôi chùa. Do vậy mà sự nhớ thương dằng dace, bao giờ ngôi chùa cũng xuất hiện đầu tiên trong tâm trí của họ. Thi sĩ Huyền Không, tức Hoà Thượng Thích Mãn Giác, cách đây 50 năm đã làm một bài thơ Nhớ Chùa rất hay, đã diễn tả đúng tâm trạng của những người xa quê khi hướng về lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Bài thơ ấy nhan đề là: Nhớ Chùa

*Từ thuở ra đi vắng bóng chùa
Đường đời đã nhọc chuyện hơn thua
Trong tôi bừng dậy niềm chua xót
Xao xuyên mơ về lại cảnh xưa*

Đây là lối thơ thất ngôn trường thiên. Nghĩa là mỗi câu 7 chữ và không nhất thiết bài thơ phải dừng nơi 4 câu như những loại thơ Đường luật bị gò bó niêm luật, mà ở đây gồm 9 đoạn, mỗi đoạn 4 câu như thế. Con người khi xa quê mong muốn làm nên một cái gì đó cho đời; nên phải bon chen với danh với lợi, tranh đấu hơn thua để phần thắng được về mình; nhưng khi sứt tỉnh lại, thấy sao mà chua xót quá. Do vậy mới mơ màng nhớ lại cảnh cũ người xưa, trong ấy có bóng dáng một ngôi chùa.

*Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng làng
Có con đường nhỏ chạy lang thang
Có hàng tre gợi hồn sông núi
Im lặng chùa tôi ngập nắng vàng.*

Cảnh cũ người xưa đâu còn nữa; nhưng trên con đường đất đỏ chạy vào làng đó, hai bên có những hàng tre thẳng tắp, đứng sừng sững với núi sông, tượng trưng cho cuộc đời của người quân tử. Chỉ đơn giản thế thôi; nhưng là biểu tượng cho làng tôi nay và nơi đó

dưới ánh sáng chói chang hay những chiều tà ảm đạm, ngôi chùa vẫn im lìm trong cuộc sống trầm lặng của dân quê’

*Có những cây mai sống trọn đời
Bên hàng tùng bách vẫn xanh tươi
Nhìn lên phảng phất hương trầm toả
Đức Phật từ bi miệng mỉm cười*

Thật là hạnh phúc biết bao! Thật là hoan hỷ biết bao! Trong tất cả hoàn cảnh, trong tất cả nhịp điệu sống của dân làng đều có sự hiện diện của ngôi chùa; trong ấy có Đức Phật dưới làn khói hương nhẹ toả. Ngài ngồi yên đó mỉm cười với cuộc thế đổi thay từ bên trong lẫn bên ngoài bản thân của mỗi con người. Tuy vậy trong vườn chùa kia có những cây Mai sống rất lâu. Mỗi năm Đông đến Xuân sang thì hoa mai đua sắc thắm để chào đón nàng Xuân, mặc cho gió Đông có khe khắt. Ngoài những gốc mai già ra còn có những cây Tùng và cây Bách vẫn sừng sững với gió sương, trở gan cùng tuế nguyệt, chịu đựng với bao gian khổ khó khăn; nhưng lá vẫn xanh, cây vẫn thẳng, chịu đựng gian khổ với thời tiết, với hoàn cảnh. Điều này cũng nói lên được ý chí của những người ở lại quê, khi họ đã chấp nhận sống chết với lũy tre làng, nương khoai bờ giậu ấy.

*Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đây ngôi chùa cổ ngày hia buổi
Cầu nguyện dân làng sống mến yêu*

Dưới mái chùa hiền hoà ấy có hình bóng của vị Sư già ngày hai buổi với kinh kệ, mõ chuông, cầu nguyện cho dân làng sống có hạnh phúc qua lời dạy của chư Phật, bỏ ác làm lành, giữ tâm ý cho được thanh tịnh. Lời kinh tiếng kệ ấy như là những tiếng vọng cao

cả dội vào tâm tư của người dân, ngay cả những người đang sống nơi viễn xứ. Lời kinh ấy cứ vang vọng mỗi ngày sớm chiều hai buổi, khiến cho khách trần ai tục lụy cũng phải hướng về cảnh giới giải thoát nhiệm mầu để tu thân tích đức.

*Vì vậy làng tôi sống thái bình
Sớm khuya gần gũi tiếng chuông linh
Săn khoai gạo bắp nuôi dân xóm
Xây dựng tương lai xứ sở mình*

Cuộc sống nông thôn rất đơn giản; chỉ có gạo, khoai, sắn, bắp rau cải chứ có gì đâu; nhưng trong từng vi sinh vật ấy được sinh trưởng, lớn lên tại làng quê kia có mục đích rõ ràng là tô bồi cho quê hương xứ sở cho đẹp đẽ, mà muốn thế phải nương theo sự cầu nguyện, nương theo chuông mõ, linh tang, gõ nhịp vào thành trống, thành chuông để gióng lên bao hồi chuông cảnh tỉnh. Để từ đó con người sống trọn vẹn trong cảnh thái bình an lạc. Sự yên ổn đó không phải tự nhiên mà có. Đó là do sự cầu nguyện, do ý chí mong cầu. Do sự hướng về Đấng Toàn Giác. Do tâm nguyện ấy mà đời sống của mọi người trong thôn trở nên an lạc.

*Mỗi tối dân quê đón gió lành
Khấp chùa dào dạt ánh trăng thanh
Tiếng chuông thức tỉnh lan xa mãi
An ủi dân hiền mọi mái tranh.*

Đời sống nông dân rất là hồn nhiên chất phác. Cật lực làm lụng suốt ngày để có miếng cơm, manh áo, tối về tắm rửa sạch sẽ, sau đó cơm nước và dẫn vợ con lên chùa để ngắm trăng. Vì sao vậy? Vì tại chùa bao giờ cũng có cây to bóng mát. Xuyên qua ngàn cây nội cỏ đó, ánh trăng rằm sẽ rọi chiếu khắp đó đây trở nên muôn hồng ngàn tía hoà lẫn với tiếng chuông ngân nga như mùi Thiên

làm nên cảnh vật của thiên nhiên. Khiến người nông dân thư thái, hạnh phúc vô cùng. Đây là niềm an ủi, một sự động viên không phải dùng thuốc uống để chữa lành bệnh tật mà tất cả điều khởi từ chỗ tâm hướng thượng của mỗi con người.

*Trâm đốt hương xông thơm ngào ngạt
Thôn trên xóm dưới dạ nao nao
Dân làng tắm gội lên chùa lễ
Mười bốn, ba mươi mỗi tối vào.*

Đến ngày sám hối vào tối 14 âm lịch hoặc tối 30. Mỗi tháng 2 lần như thế sau khi cơm nước tắm gội, vợ chồng con cái cả nhà lên chùa với sản phẩm trong vườn như rau, chuối, đậu, mè mang lên chùa để cúng dường Sư cụ và thập phương bá tánh. Đây là tâm nguyện của dân làng khi đi chùa lễ Phật. Cho nên ai ai cũng nôn nao trông cho đến những ngày trọng đại ấy để mà lên chùa dâng hoa hương cúng Phật và dầm mình vào trong trâm hương khói toả, để như thấy mình cũng được sám hối những tội lỗi từ lâu đời, lâu kiếp đã gây ra:

*Biết đến bao giờ trở lại quê
Phân vân lòng gợi nhớ nhung về
Tang thương dù có bao nhiêu nữa
Cũng nguyện cho chùa khởi tái tê*

Ngôi chùa với phong sương cùng tuế nguyệt ấy, với thời gian năm tháng chất chồng, với chiến tranh đổ nát, với sương gió phủ phàng, chắc chắn phải có ảnh hưởng; nhưng trong tâm trạng của kẻ xa quê vẫn muốn rằng những hình ảnh của năm xưa, một ngôi chùa hiền hoà yên tĩnh toạ lạc trong một ngôi làng và trong tâm thức của người xa quê như thế cũng mong rằng không bị ảnh hưởng gì nặng nề cả. Vì ngôi chùa trong người xa xứ là một bầu trời, một đất nước,

một quê hương. Chưa biết là bao giờ mới có thể trở lại thăm quê; nhưng mong rằng ngôi chùa trong lòng tuổi ấu thơ ấy mãi mãi nơi tâm thức của người xa quê:

*Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lòng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.*

Thật là tuyệt vời! Thật là vi diệu khi bên tai mình văng vẳng đâu đây tiếng chuông và nhiều tiếng chuông liên tục như thế vọng ra từ một ngôi chùa cho nên mình đã thức tỉnh và nhớ lại chùa xưa. Ai là người đã ra đi, chắc chắn không bao giờ quên được ngôi chùa ấy. Vì sao vậy? Vì lẽ mái chùa kia đã che chở hồn dân tộc qua bao nhiêu năm tháng chấ chồng, qua các triều đại thịnh suy của dân tộc; che chở tất cả những muộn phiền của thế sự đổi thay và đó, đó chính là nếp sống nghìn đời của ông bà, cha mẹ ta trong tinh thần Phật giáo vậy.

(1) *Tựa đề của Ban biên tập.*

Trân Tạng Ôn Mãn Giác

*Minh Đức Triều Tâm Ảnh
Trí nhân sống giữa cuộc đời
Như thân tùng bách xanh tươi bốn mùa
Trăng Huyền Không sáng hơn xưa
Thiền sư thi sĩ vườn chùa cỏ thơm*

DÁNG TỪ

Chiếu Tuệ, Đoàn Thanh Niên

Sinh Viên Thích Thiên Ân chùa A Di Đà

kính dâng Ôn

Như bóng mát cây xanh
Che ngang mùa nắng hạ
Ôn- dáng bậc tu hành
Sao mà thân thiết quá!
Biết ai người quen lạ
Một lần thôi: gặp người
Cũng thấy hồn xanh lá
Bên nụ cười thật tươi.

Như dáng một con thuyền
Lướt trên dòng sanh tử
Ôn- ông lái thật hiền
Rước đưa người viễn xứ
Ai nã nề tâm sự
Cất bước quay trở về
Vòng tay Ôn rộng mở
Tưởng với ngàn u mê...

Có một đoá sen hồng
Nở bên đời phiền muộn
Vẫn ngan ngát hương lòng
Toả đi về trăm hướng
Ôi! một đời cao thượng
Ôn sống với Đạo màu

Là vì Người thương tưởng
Đến nhân loại khổ đau

Xin chấp tay cầu nguyện
Ôn mãi sống tuổi trời
Ôn mãi là đại thụ
Cho chim về nghỉ ngơi
Con cúi đầu cảm niệm
Tạ ân đức của người
Một vầng trăng hy hiến
Rãi ánh Từ... muôn nơi.

DIỄN TỪ*

Kính bạch Hoà Thượng Thích Mãn Giác

Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa kỳ- Nguyên Phó Viện Trưởng Đại Học Vạn Hạnh.

Kính bạch Chư Tôn Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni

Kính thưa Quý vị Quan Khách, quý Anh Chị Em và Thân Hữu.

Hội Ai Hữu Cựu Sinh Viên Viện Đại Học Vạn Hạnh Hải Ngoại rất hân hạnh được đón tiếp quý vị hôm nay trong một khung cảnh trang nghiêm nhưng rất đầm ấm và gần gũi, để cho anh chị em cựu sinh viên chúng tôi được bày tỏ một tình cảm trân quý, thiết tha và lòng biết ơn sâu đậm đến vị Thầy khả kính của chúng tôi: Hoà Thượng Thích Mãn Giác với lòng ngưỡng mộ, yêu quý và tôn kính.

Kính bạch Hoà Thượng,

Đã gần bốn thập niên qua, từ những ngày đầu tiên của trường ở quê nhà, khi mà vương sơn trước luôn luôn sũng nước vào mùa mưa, cho đến lúc từ đó hình thành thêm những kiến trúc mới cho các phân khoa được khai sinh về sau, cho phù hợp với sự phát triển và lớn mạnh của Viện Đại Học, cho đến hơn hai mươi năm qua ở trên đất tạm dung này, khi mà anh chị em chúng con quần tụ lại với nhau, và hình thành Hội Ái Hữu cùng sinh hoạt, thì ở mọi nơi, mọi lúc Hoà Thượng đều có mặt thật gần gũi, thân thiết và đầy tình yêu thương.

* Bài phát biểu của Hội Ái Hữu cựu sinh viên Đại Học Vạn Hạnh Hải ngoại do anh Hội Trưởng Thân Trọng Nhân đại diện đọc trong ngày lễ chúc thọ Ôn, July 4, 2002.

Từ trên bục trong các giảng đường yên ắng, cho đến cái rộn rịp, ồn ào trên sân trường trong các sinh hoạt, hay trong cái tĩnh lặng của thư viện, hay trong các hoạt động đời thường khác, anh chị em sinh viên đều có thể tìm thấy hình ảnh chân thật và rất quen thuộc của Thầy. Và cái hình ảnh ấy ngày càng đậm nét và cao dần lên với thời gian và sự phát triển vững vàng của viện đại học. Khối óc, tấm lòng và bàn tay Huyền nhiệm của Thầy, đã xây dựng, bồi đắp và gây dựng cho bao nhiêu lớp anh chị em sinh viên chúng con. Thầy đã hiện diện với chúng con từ hình ảnh của vị Giáo Sư, Phó Viện Trưởng khả kính, từ dáng dấp của một người cha giàu lòng yêu và từ tâm, lòng từ bi vô lượng của một vị chân tu. Vì thế, đối với anh chị em chúng con Thầy mãi mãi là một hiện hữu sáng ngời, quý giá và không thể thiếu trong mỗi cuộc đời thường của mỗi người.

Là một trong số ít những vị đặt nền móng xây dựng, vạch ra con đường giáo dục đào tạo cho trường: mang trong lòng mình một tình yêu quê hương, với một kiến thức uyên thâm, và một tinh thần sinh khí mới. Thầy và Quý vị đã đề ra một hướng đi mới cho nền giáo dục đại học còn non trẻ ở quê nhà hồi đó. Vạch ra phương thức mới cho quá trình hịch tập rất phóng khoáng, tách xa dần lối học từ chương, ỷ lại. Thổi một ngọn gió mát thanh xuân vào suy nghĩ của lớp trẻ đang hăm hở bước vào ngưỡng cửa của đại học, bằng cách cổ xúy tinh thần Đại Học để trang bị cho sinh viên. Đó là tinh thần khai phóng và nhân bản, tinh thần độc lập và sáng tạo. Cái hay cái mới này là một bước tiến quan trọng để bắt kịp với sự tiến bộ và sinh khí mới của trào lưu biến đổi của đại học các nước tiên tiến trên thế giới. Và hẳn nhiên, thành quả to lớn mà Viện Đại Học Vạn Hạnh đã đạt được từ đó, đã tạo nên một sự đổi thay quan trọng và đáng kể cho nền giáo dục đại học ở nước ta. Là một vị giáo sư uyên bác, Thầy cùng ban giảng huấn đã khai mở và trang bị kiến thức, là hành trang vào đời cho nhiều lớp anh chị em chúng con ngày nào.

Tuy vậy, đâu chỉ đóng khung trong cương vị của mình như thế, Thầy đã bước đến gần với tất cả anh chị em bằng các hoạt động của đời sống sinh viên. Thầy đã đến và chia sẻ những sôi nổi, hào hứng cùng anh chị em trên các thao trường, tranh tài thể thao đại học. Thầy đã lặn lội sát cánh cùng anh chị em trong công tác xã hội, đặc biệt là công tác cứu trợ nạn nhân chiến tranh, khi mà chiến tranh leo thang và khốc liệt hơn, cứu trợ thiên tai cùng đồng bào mình gặp nạn. Thầy vui vẻ bên cạnh các anh chị em trong lễ hội, hân hoan chia sẻ cùng anh chị em những gian nan, buồn vui, những nhọc nhằn, hoan hỷ ở mọi lúc, mọi nơi.

Là vị Phó Viện Trưởng điều hành của Viện rất uy nghiêm mà lại rất gần gũi, thân thiện và giàu lòng yêu thương. Thầy đã giải quyết cho bao nhiêu vướng mắc, bao nhiêu khó khăn mà từ đó đã thúc đẩy và cho phép các sinh hoạt đi vào thực tiễn một cách có hiệu quả, mà chính thực nhiều lúc, có những việc tưởng chừng như anh chị em chúng con bó tay bỏ cuộc.

Làm sao chúng con quên được những niềm vui to tát rất thoải, mà chỉ trong cương vị và hình ảnh của một người cha, Thầy đã cho chúng con một tình cảm tha thiết thiêng liêng của tình phụ tử, ở đó Thầy là một ông Bố vừa vĩ đại, vừa thân kính của chúng con. Và chính bằng tình cảm đó, nhiều lúc vì lòng thương yêu vô bờ này, Thầy đã mạnh dạn đi vào những công việc xem ra chỉ nhằm cho các con thậm chí sẵn sàng hy sinh:

Khi Thầy quyết định cho phép anh chị em sinh viên được vui chơi hoàn toàn vào dịp kỷ niệm mười năm thành lập Viện Đại Học, dù có trái ngược với quan niệm của Hội Đồng Viện, và có ra ngoài cái quy định ràng buộc vào thời điểm 74 ở nước nhà, là một kỷ niệm không bao giờ quên.

Bằng tấm lòng từ bi bác ái vô lượng của bậc chân tu, Thầy đã rất nhiều lúc mang đến những hoá giải thật êm đềm cho những nặng

nề, gút mắc đời thường mà chúng con vẫn thường xuyên vướng mắc được trở nên thanh thoát, nhẹ nhàng và từ đó đã giúp cho chúng con nhìn ra và nhận biết được giá trị vô ưu.

Và hơn nữa, với một tâm hồn mẫn cảm với những xúc động rất tinh tế, những nhìn ngắm và suy tưởng của tâm hồn một vị thiền sư, Thầy đã cho đời nói chung và cho chúng con những bài thơ tuyệt vời. Thầy, thi sĩ Huyền Không đã làm giàu và phong phú thêm cho kho tàng văn học Việt Nam ta, và đặc biệt là những vần thơ đầy thiền vị...

*Ta từ sinh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng*

Nói ra là thế, nhưng thật ra hình ảnh của Thầy là hoà quyện không ranh giới của tất cả những hình ảnh ấy một cách ý vị và sung mãn. Bởi lẽ vượt lên từ bài học trên bục giảng, từ ý nghĩa của những việc làm, Thầy bao giờ cũng khơi gợi, nhắc nhở và dạy bảo để xây dựng trong tâm hồn và tấm lòng của mỗi anh chị em chúng con cái tình yêu quê hương đậm đà và tha thiết.

Tốt nghiệp trở về từ một quốc gia tiên tiến và giàu mạnh trên thế giới, Thầy ưu tư nhìn thấy một quê hương chậm tiến lại vừa đang ở trong một cuộc chiến tàn khốc và đổ nát. Thầy luôn luôn gói gắm vào, từ trong các bài học, từ cận kề với sinh viên trong các sinh hoạt, các thao thức của tấm lòng của một người yêu nước mong muốn được nhìn thấy quốc gia mình có ngày sánh vai cùng năm châu bốn bể trong vị thế của một quốc gia tiến bộ. Cho nên Thầy mong muôn và nhắn nhủ học hành để góp tay phục vụ đất nước, vì đây là con đường hữu lý nhất để đưa đất nước đi lên.

Và ngày nay, tấm lòng nguyên thủy với quê hương dân tộc đó càng nung nấu trong lòng Thầy, khi mà:

*Ô hay non nước của mình
Mà sao ta phải dứt tình ra đi*

Ở xa quê hương nghìn dặm, tình yêu đó vừa là một ray rout vừa là một buốt đau canh cánh trong tâm, là một sôi nổi không bao giờ lắng đọng trong lòng mà Thầy luôn luôn nhắc nhở anh chị em chúng con, và rõ ràng đó là một câu hỏi cần được tự vấn mỗi ngày.

Và chính trong tâm tư nặng lòng như thế, Thầy đã có nhiều và rất nhiều nỗ lực trong công cuộc xây dựng chùa chiền và đồng thời có công phát triển các sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam tại Hải Ngoại. Vì thế sẽ hiểu được thấm thía hơn khi ngâm nga bài thơ Nhớ Chùa, mà rõ ràng là quá thích hợp với hoàn cảnh hiện nay:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông*

Để thấy rõ các nỗ lực của hơn hai mươi năm hoàng dương đạo pháp của Thầy ở xứ Người là có ý nghĩa dường nào. Công việc cao quý đó, trong tâm ý của một Thiên Sư, Hoà Thượng đã quan niệm rất thanh thản:

*Trăm năm vẫn ánh trăng đầy
Ngàn năm sau nữa vẫn mây cuối trời
Ta mang chút lửa trong người
Dem về sưởi ấm cuộc đời lao sinh*

Hơn hai mươi năm qua, Thầy chưa bao giờ vắng mặt với các anh chị em chúng con trong những lần đại hội, họp mặt. Khởi đầu từ họp vài người bạn, cho đến sự quần tụ của đông đảo anh chị em, bao giờ và ở đâu dù có xa xôi đi mấy, Thầy cũng sẵn lòng và luôn

đến với chúng con. Từ những thập niên 80- 90 họp nhau ở Embassy Hotel, hai thế hệ Vạn Hạnh tại một park xa tận Irvine, hay những lần họp kéo dài ở Mile Square Park..., từ gần gũi ở quận Cam đến xa xôi như trại hè Moro Bay, từ những dịp gặp mặt sáng hay chiều, cho đến có lúc họp nhau đêm tối mùa đông, Thầy đều giành cho anh chị em chúng con thì giờ để đến, và bao giờ cũng cho những lời khuyến khích, dạy bảo, cổ vũ và hướng dẫn. Ngay cả những nỗi buồn mất mát của anh chị em chúng con, đến cả lúc có niềm vui kết hợp Thầy cũng đã cùng với chúng con thật ý nghĩa và quý báu.

Anh chị em chúng con có người lâm nguy trên giường bệnh, Thầy làm hết lòng mình cho được an lành mà quên cả thân mình, một chuyện mà mọi người đều ghi nhớ, ngay cả khi chuẩn bị lễ cầu an cho Ái Trân thì Thầy đã phải vào bệnh viện khẩn cấp đêm hôm trước, Hải Rây buồn bã tuyệt vọng trên giường Thầy mang đến niềm hy vọng và sự thanh thoát cho anh. Không ai cầm được nước mắt khi Thầy chít khăn tang cho hai con của chị Trân trong lễ tẩn liệm mà nói rằng “Ngày trước Ôn đội mũ cho mẹ con ra trường, nào ngờ giờ đây Ôn lại chít khăn cho hai con để tang mẹ”. Ngày vui của Cường, Thầy làm đủ lễ dù phải đi xa và còn có mặt lâu hơn cho trọn vẹn tình nghĩa.

Ngày nay, hội ái hữu chúng con mỗi ngày một đông hơn, mỗi lúc một vững vàng hơn, đều có sự quan tâm hết lòng và sự khuyến khích, cổ vũ quý báu của Thầy.

Kính bạch Ôn,

Ngày nào chúng con mới vào trường tóc còn xanh, giờ đây trên đầu anh chị em chúng con người nào cũng đã điểm hai màu tiêu muối, có anh chị em nay đã trở thành ông bà nội ngoại, những tâm tình mà Ôn đã giành cho theo thời gian cứ tha thiết, cứ thấm đậm lên mãi. Tấm lòng nhân ái và rộng mở của Ôn khi nào, lúc nào và ở đâu cũng sung mãn và đầy đặn. Anh chị em chúng con quả thật

là đã có được một niềm hạnh phúc quý báu dường nào. Và ở đây, chúng con cũng xin gửi lên Ông một lời sám hối về nhiều những điều không phải mà mấy mươi năm qua làm sao không có lần phạm phải khiến Ông phật lòng.

Hôm nay đây, trong lễ chúc thọ này, toàn thể anh chị em chúng con kính cầu chúc Hoà Thượng pháp thể khương an, chúng sinh dị độ, phật sự viên thành, hầu tiếp tục sứ mạng trưởng tử Như Lai. Và lời chúc cùng nguyện cầu chân thành này của chúng con sẽ được trọn vẹn ý nghĩa khi mà Hoà Thượng còn nhiều và rất nhiều lần hỏi:

*Ô hay xuân đến bao giờ nhỉ
Nghe tiếng hoa khai bỗng giật mình
Sáng nay thức dậy choàng thêm áo
Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh*

Kính chào quý vị.

ĐI VÀO THƠ HUYỀN KHÔNG

Tôi cảm thấy ngại ngùng khi định viết về thơ của thi sĩ Huyền Không. Không phải tôi không thích thơ, trái lại là đàng khác, nhưng đây là những thơ nhuộm mùi Thiên, mà tôi lại chẳng có một trình độ nào về thiên cả. Nhưng rồi tôi lại nhủ: Sao lại phân biệt thơ thiên và thơ không thiên. Trên hết và muôn đời, thơ là thơ, lo việc chuyển tải các trạng thái đặc biệt của tâm hồn con người, với một ngôn ngữ riêng nhằm gây hiệu quả tối đa cho mục đích của nó. Tình yêu hay tôn giáo cũng chỉ là các trạng thái của tâm hồn người hướng về các đối tượng khác nhau, nhưng khi thể hiện ra thơ chúng phải được bình đẳng; phải qua các cửa nghệ thuật để tự giới thiệu mình. Người đọc thơ có cái sung sướng là không cần biết mình đã yêu chưa hoặc có kinh nghiệm gì về thiên định hay không mà vẫn cứ đọc thơ tình hay thơ thiên; vấn đề là những bài thơ ấy có đem lại gì cho anh ta hay không chứ khiông phải anh ta phải đem lại gì cho những bài thơ ấy.

Vậy thì, thôi sẽ bắt đầu từ mùa Xuân, mở đầu cho một chu kỳ sinh tử. Từ những năm thanh xuân của đời mình, nhà thơ Huyền Không đã cảm nhận mùa Xuân như sau:

*Ô hay xuân đến bao giờ nhỉ
Nghe tiếng hoa khai bỗng giật mình
Sáng nay thức dậy choàng thêm áo
Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh*

Vẫn là cái giật mình mang tính cách khám phá muôn thuở của tuổi trẻ đối với chuyển biến của đất trời, nhưng tác giả đã có đầy đủ sự già dặn và nhạy cảm tinh vi của tâm thức. Nghe được tiếng hoa đang nở và giật mình vì sự kiện ấy của mùa Xuân không phải là tài năng thính tai và mẫn cảm của đời thường mà phải là biểu hiện của một khối tâm linh trong suốt lung linh đang mở ra thế giới và cuộc

đời với những ước hẹn cao thượng. Khả năng nhìn thấy, với mùa xuân, “Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh” là một khả năng lạc quan và trong sáng, khả năng của cải đổi và của niềm an lạc khẩu khí của bài tứ tuyệt vịnh Xuân từ buổi thanh xuân nàu đã mang dáng dấp triết học và ẩn dụ của những bài tứ tuyệt đã được ngâm nga dưới mái chùa Việt Nam từ bao nhiêu thế kỷ qua.

Nhiều năm tháng về sau, mùa xuân vẫn gây cảm hứng nơi thi nhân như thuở nào, nhưng ý tứ rõ rệt thấm sâu hơn, lời lẽ đậm đà hơn, chứng tỏ bước đi chín mùi của thời gian trên tâm hồn thơ cũng như tâm hồn đạo:

*Sương sớm xuân rã xuống sơn hà
Lòng đêm xa vắng mở ra nhiệm màu*

Sự hiền hoà của Phật giáo đã thấm nhập vào tâm hồn dân tộc Việt Nam từ bao giờ nhỉ? Có phải từ buổi những chiếc thuyền Ấn Độ vượt biển ghé bean Giao Châu, cách đây gần hai mươi thế kỷ, và những thiền sư lên bờ truyền giảng đạo hạnh từ bi cho dân ta? Có phải từ đấy các ngôi chùa bắt đầu tham dự vào sinh hoạt làng xã của cộng đồng Việt Nam, và đã đóng góp vào sự nghiệp giáo hoá ấy một cách thâm lặng và liên tục, hết đời này qua đời khác? Trải qua một lịch sử dữ dằn và cay đắng vì phải luôn chống trả họa ngoại xâm cùng thiên tai, dân Việt từ xưa có đạo Phật để giữ cho tâm mình không thành dữ dằn và cay đắng, trái lại tiến triển đến chỗ khoan dung cao thượng xứng đáng là dân tộc có văn hiến.

Trong làng Việt Nam nếu đình là khu hành chánh tinh thần của chùa là nơi toả bóng mát tâm linh, là môi trường hoàn toàn tự giác để tâm hồn nghỉ ngơi và hoàn thiện chính mình.

Văn học cận đại Việt Nam có một số tác phẩm văn xuôi đề cập về sinh hoạt chùa chiền như Hồn Bướm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ, v.v... nhưng về thơ thì bài Nhớ Chùa của Huyền Không

có lẽ là bài thơ đầu tiên có tầm vóc về đề tài này. Thoạt đọc Nhớ Chùa ta dễ liên tưởng đến các bài thơ mang nặng tình tự quê hương của Đoàn Văn Cừ (Chợ Tết, Đám Cưới, Mùa Xuân, Đám Hội) hay Tế Hanh (Quê Hương, Lối Con Đường Quê) mô tả một cách sinh động và tình cảm bình dị ngàn đời của nông thôn Việt Nam. Riêng Đoàn Văn Cừ, sau khi tả các hoạt cảnh của hội hè bao giờ cũng kết thúc với bông dáng êm ả của ngôi chùa làng:

*... Một lúc sau khi tới chỗ vòng quanh
Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm
Thì cả bọn dần dần cũng khuất lẩn
Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân*

(Đám Cưới Mùa Xuân)

*... Khi chuông tối bên chùa văng vẳng đánh
Trên con đường đi các làng hẻo lánh
Những người quê lũ lượt trở ra về...*

(Chợ Tết)

*Vệt tháp trắng in dài trên đồng vắng
Tiếng chuông tối nhạt khoan trong im lặng*

(Đám Hội)

Như muốn khẳng định rằng cái nền không thể thiếu được trong đời sống Việt Nam chính là đạo Phật. Nhưng đến Nhớ Chùa thì ngôi chùa làng đã tiến lên thành cận cảnh:

*Thấp thoáng đâu đây cảnh tượng làng
Có con đường nhỏ chạy lang thang
Có hàng tre gợi hồn sông núi
Yên lặng, chùa tôi ngập nắng vàng
Có những cây mai sống trọn đời*

*Bên hàng tùng bách vẫn xanh tươi
Nhìn lên phảng phất hương trầm toả
Đức Phật từ bi mỉm miệng cười*

Sinh hoạt tôn giáo cũng là chốn tu hành tại thôn quê không gây ấn tượng như các loài hội hè đình đám hoặc các hoạt cảnh làm ăn năng động, nhưng Huyền Không đã đưa ra được tình cảm đầm thắm của dân làng đối với ngôi chùa của mình, không mạnh mẽ sắc cạnh nhưng nhu hoà và lan toả rộng như một làn hương trầm. Đó là điều mà hình như rất ít ngòi bút văn học nào của nước ta đã làm ăn được. Có thể đã có những thiên khảo luận dày thuyết phục rằng Phật giáo đã vào Việt Nam rất sớm và ảnh hưởng sâu đậm đến tư tưởng Việt Nam ra sao, nhưng điều này thì khác hẳn:

*Tôi nhớ làm sao những buổi chiều
Lời kinh giải thoát vọng cao siêu
Đây ngôi chùa cổ ngày hai buổi
Cầu nguyện dân làng sống mến yêu*

Bởi vì những buổi chiều êm đềm như thế, những lời kinh trong ngôi chùa cổ như thế, tình cảm mến yêu của dân làng như thế đều là các thực tại sống. tồn tại sâu trong thôn quê và sâu trong ký ức mỗi người chúng ta như từng tồn tại như thế đã hàng ngàn năm.

Sau các triều đại đầu của thời đại tự chủ, đạo Phật đã thôi đóng vai quốc giáo, nhưng vẫn tiếp tục thấm sâu vào các mạch ngầm của đời sống, tiếp tục góp phần tạo nên tâm hồn và phẩm cách của con người Việt Nam. Nên khi cho rằng:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông*

Thì có thể gây ra những tranh luận về lý trí trong một quốc gia trên nguyên tắc có nhiều niềm tin khác nhau về tôn giáo, nhưng về tình cảm, được điều khiển một cách kín đáo bởi vô thức, thì chúng ta thấy điều đó hầu như là tự nhiên. Có những nơi không nên vận dụng lý trí vào vì nó chẳng được việc gì cả, như ở đây chẳng hạn, một câu thơ về ghôn dân tộc thì nên lấy hồn ta mà cảm ứng nó vậy. Khi đọc một câu thơ lên mà nghe lòng xôn xao rung động thì đúng là gặp phải mạch ngầm đã chảy miên viễn tự thâm sâu trong mỗi chúng ta tự đời nào. Nhớ chùa chính là nhớ nỗi niềm ấy đã nằm sâu trong tâm hồn dân tộc và dài dọc theo dòng lịch sử.

Tu hành là một kinh nghiệm riêng. Nhưng một tâm hồn đạo hạnh có cách tỏa sáng riêng của nó mà thi ca có lẽ là phương tiện chuyển tải hữu hiệu nhất.

*Ai xây đời trong tưởng tượng
Ai dệt đời ngoài muôn hướng
Ai khóc
Ai than
Và ai buồn vì nắng đời chưa chớm
Tìm đâu ra một sớm
Cho loài người tắm gội ý tươi xinh
(Tình Nhân Loại)*

Hạnh nguyện lớn lao ấy đã được tác giả tìm thấy giải pháp thực hiện trong đạo Phật:

*Hai bàn tay
Hãy dựng nên tháng ngày
Hai bàn chân
Hãy đi trên đường dài trái đất
Khắp năm châu
Sống trong lòng từ bi đức Phật*

*Ngọt ngào như mật
Tình nhân loại thương nhau
(Tình Nhân Loại)*

Không những “tìm thấy giải pháp”, chính tác giả thực hiện giải pháp ấy: người là một tu sĩ. Chính cái tư cách vừa là thiền sư vừa là thi sĩ đã tạo ra một ngưỡng cửa trong thi ca của tác giả: bên này là tiếng nói của đời thường, bên kia ngưỡng cửa là tiếng nói kinh nghiệm và cảm hứng thiền định- một vùng đất lạ nhưng đầy quyến rũ đối với “người phàm”.

*Trong hơi thở ngời yên nhìn vạn kiếp
Nghe đất trời kể lại chuyện tiền thân
(Tĩnh Toạ)*

Khả năng của định lực được hé mở bằng ngôn ngữ thi ca! Thở- ngời yên... nhìn thấy... nghe thấy... Rồi ta rón rén tiếp nhận một kinh nghiệm khác:

*Đêm yên ắng ngời yên nhìn quá khứ
Thác trên cao đổ xuống mãi trong đầu
Nước cứ chảy, tư tưởng dài lữ thứ
Thời gian nào do dự hỏi ta đâu
(Tĩnh Toạ)*

Cuộc hành trình đầy riêng tư của tâm và ý, cả tác động của thời gian trong trạng thái ấy, đã được tác giả tiết lộ một phần... Chúng ta chờ đợi dẫn đi vào nhiều ngõ đường mới lạ khác, nhưng bỗng hành trình chấm dứt ở một chỗ ta không thể ngờ nhất:

*Ta không kiếm tâm mình mà bỗng thấy
Kìa đoá hồng đang nở dưới trăng sao
(Tĩnh Toạ)*

Ta hình như không hiểu lắm sự thể hiện như thế nào, nhưng nếu diễn đạt cảm tưởng tức thời của mình, thì sẽ nói: một kết thúc rất thiên! và cũng rất thơ. Vâng, tức thời tức chưa kịp suy luận, và chính là cái mà nghệ thuật thi ca của thiền sư thi sĩ đem lại cho tâm hồn và khiếu thưởng ngoạn của ta vậy.

Trạng thái đạt đạo của một người tu hành dĩ nhiên không thể chia xẻ bằng ngôn ngữ thường cho chúng ta được, nhưng bài thơ Đạt Đạo của Huyền Không quả là một bài thơ đẹp, vừa về ý và lời, đẹp cả khả năng đưa ta lên cao một bậc khỏi những dây nhợ vướng víu của đời thường.

*Qua thiên môn thấy trời xanh
Kim Cang kinh tụng chân thành từng trang
Khói hương quyện cảnh mơ màng
Không gian là chiếc y vàng quấn thân*

Tuy là bốn câu tả cảnh tu tập chăm chỉ thường nhật ở chùa nhưng đã có sự chuẩn bị cho một vượt thoát: mảng trời xanh trong hoàn cảnh này đã là một cái gì là lạ, khói hương thường lệ đã được chủ thể thấy mình và không gian bao quanh không còn ranh giới, không gian rộng lớn có thể thu hẹp lại quấn quanh ta vừa bằng cái áo của ta hoặc là chính ta trở thành rộng lớn mênh mông trong không gian để mặc vừa cái áo rộng lớn ấy. Tâm thức đã đạt trạng thái chuẩn bị...

*Thiên môn xưa sạch phong trần
Kim Cang kinh khép trâm luân thoát rồi
Ta từ sinh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng*

Điều ấy đã xảy ra. Cuộc “về chơi” đã tới đích. Không biết tự bao nhiêu kiếp đi lạc vào cõi sinh tử, không biết bao nhiêu lần

“người đi trong không gian nhịp xe uốn vòng tử sinh”[⊗], bấy giờ người đã tìm thấy quê cũ yên vui rữ sạch lằm than. Người ta thấy lại bản tâm. Trạng thái sau cùng là sẽ không còn chùa, không còn kinh, bật ngôn ngữ, tất cả chỉ là một sự bừng sáng tuyệt đối của một ngày mới vừa rạng xoá cơn hôn mê đời đời kiếp kiếp của quá khứ:

*Còn đâu nữa Kim Cang Kinh
Thiền môn biết mất còn mình vô ngôn
Bình minh về ngập hoàng hôn
Cười lên một tiếng tỉnh hồn ngàn năm*

Sau khi đọc câu “Cười lên một tiếng tỉnh hồn ngàn năm” tôi cũng thấy “đạt” rồi, không cò muốn viết thêm về các bài khác nữa, mặc dù còn nhiều bài tôi rất thích. Hình như đã đến chỗ trọn vẹn. Qua mười sáu câu thơ thiền sư đã dẫn dắt và truyền cho tôi phần nào cái cảm giác “tỉnh hồn”- đó có lẽ là điểm cao nhất mà một bài thơ tạo được nơi người đọc nó. Và thế là đủ, tôi xin khép lại nơi đây cảm nghĩ này.

Trên đây tôi không dám viết về tác giả Huyền Không, đúng ra tôi chỉ viết về tôi khi đọc tác giả ấy, mà đọc cũng không trọn vẹn. Như thế lại hơn: đừng nên mang tham vọng làm những việc lớn lao quá sức mình.

Vạn Hạnh, Kẻ Đi Qua Cầu Lịch Sử Mà Vào Niết Bàn

[⊗] *Lữ Hành* của Phạm Duy

Thích Mãn Giác

*Vạn Hạnh dung tam tế
Chơn phù cổ Sấm cơ
Hương quan danh Cổ Pháp
Trụ tích chấn vương kỳ.*

Dịch:

*Vạn Hạnh thông ba cõi
Thật hợp lời Sấm xưa
Quê nhà tên Cổ Pháp
Gậy chống giữ nghiệp vua*

Đây là những lời truy tán của vua Lý Nhân Tông dành cho vị Thiền Sư dòng thứ 12 của Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi ở Việt Nam. Lý Nhân Tông là vị vua Việt Nam đầu tiên đã tung gót 100 quân vượt biên giới tấn công thẳng vào nội địa Thiên triều Trung Hoa và đã thành công. Chiến dịch này có giá trị như một ấn tín đóng vào bản tuyên ngôn tự chủ của người Việt hướng về Trung Hoa để nói cho người láng giềng khổng lồ này phải công khai thừa nhận rằng, kể từ đây nước Nam là của người Việt Nam. Vị vua đã thực hiện chiến công hiển hách ấy đã phải nhận một nhà Sư đầu tròn áo vuông là có công dùng thiền trượng để chống vững triều đại nhà Lý thì lời tán tụng ấy quả thật chẳng phải là một sáo ngữ ngoại giao lấy lệ vậy. Nhưng kẻ đã giữ vai trò trụ cột của một triều đại huy hoàng kéo dài 216 năm này lại cũng chính là kẻ trước khi lìa đời nhấn nhủ hậu thế, kể cả những vị vua sống chết với thành bại vinh nhục, rằng

“thịnh suy chỉ là những hạt sương đầu ngọn cỏ” Và suốt đời ông, ông đã không lấy nơi dừng để dừng.

Con người đã gần bùn mà chẳng lấm bùn, đã dấn thân vào cõi trần mà vẫn giữ được vẻ trong sáng của kim cương ấy là ai? Đã làm gì? Đã suy nghĩ và sống như thế nào?

Sách *Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục* đã tóm lược tiểu sử của Thiền sư Vạn Hạnh như sau:

“Phủ Thiên Đức, làng Dịch Bảng, Chùa Phật Tổ, Vạn Hạnh Thiền sư. Người Cổ Pháp, Sư họ Nguyễn. Gia đình thờ Phật. Thời thơ ấu đã tỏ ra khác thường, lâu thông Tam Học, nghiên cứu Bách Luận, coi nhẹ công danh, xuất gia lúc 21 tuổi ở chùa Lục Tổ, cùng với Định Tuệ thờ Thiền Ông làm Thầy... Sau khi Thầy mất, Sư chuyên tu Tổng Trì Tam Muội Địa, nói ra lời nào là như phù sấm tiên tri đối với thiên hạ vậy. Vua Lê Đại Hành hết sức tôn kính Sư. Năm đầu niên hiệu Thiên Phúc, tướng Tống là Hầu Nhân Bảo đem quân đóng ở núi Cương Giáp Lãng định xâm lăng nước ta. Vua mời Sư đến hỏi mình đánh lại thì thắng hay bại và Sư trả lời trong vòng 21 ngày thì giặc lui. Sự thật diễn tiến đúng như vậy. Khi Việt Nam định đánh Chiêm Thành nhưng triều đình lại không thể dứt khoát quyết định thì Sư bảo phải xúc tiến gấp bằng không sẽ bỏ mất thời cơ. Hậu quả Việt Nam chiến thắng... Vua Ngọa Triều bạo tàn, oán thán khắp trời đất, Lý Thái Tổ còn làm Thân Vệ chưa chịu đảo chính. Khắp nơi xảy ra những điều kỳ lạ được xem như là báo hiệu nhà Lê suy sụp nhà Lý hưng vượng... Ngày rằm tháng năm niên hiệu Thuận Thiên thứ 16, Sư vẫn an lành nhưng lại gọi học trò lại thuyết kệ:

*“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”*

*(Thân như chớp loé có rài không
Cây cối tươi tốt mùa xuân, khô héo mùa thu
Thấy được việc đời thì không còn ngại gì nữa
Thịnh suy chỉ là hạt sương đầu ngọn cỏ)*

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ cây tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành
(Thích Mật Thể dịch)*

Thuyết kệ xong, Sư còn tâm sự với đệ tử: “Các người muốn về đâu? Phần ta, ta chẳng lấy nơi để dừng, cũng không hướng về nơi không dừng để dừng” (Nhữ đẳng yên vãng hà xứ? Ngã bất dĩ sở trụ nhi trụ, bất ỷ vô trụ nhi trụ). Nói xong thì Sư tịch. Triều đình Lý Thái Tổ và các đệ tử đã tổ chức quốc táng, và sau lễ hoả táng, nhật xá lợi xây tháp thờ cúng. Lý Nhân Tông đời kế đã làm kệ truy tặng Thiền Sư”.

Qua phần giáo sử chính thức của Phật Giáo Việt Nam thời trước vừa lược dẫn, chúng ta thấy gì? Vạn Hạnh người Cổ Pháp. Cổ Pháp nguyên không phải là một địa danh có từ xưa, mà là một tên mới có khoảng cuối thế kỷ 9, tức khoảng 200 năm trước khi Vạn Hạnh thành đạt, và người bày ra địa danh đó tức là Sư Định Không (730- 988), thuộc dòng thứ ba của cùng Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Thời gian từ đầu thế kỷ thứ 7 đến giữa thế kỷ thứ 10 là thời gian Việt Nam bị đô hộ lần thứ tư khi Lý Phật Tử của nhà Tiền Lý bị nhà Tùy khuất phục năm 602. Mười sáu năm sau, quyền thống trị đó lại được chuyển qua tay nhà Đường mở đầu hơn ba thế kỷ đô hộ khắc nghiệt chặt chẽ có hệ thống nhằm đàn áp hữu hiệu tất cả âm

mưu hành động đối kháng ly khai hay đấu tranh tự chủ của người Việt như Trưng Vương, Triệu Ẩu, Lý Bôn, Triệu Quang Phục đã từng làm trong các thế hệ trước.

Chính sách đô hộ sắc máu của nhà Đường không phải là không hiệu quả. Bằng chứng là trong 336 năm đô hộ, Trung Hoa đã chỉ phải đối phó với hai cuộc khởi nghĩa của người Việt, thứ nhất Hắc Đế Mai Thúc Loan năm 722 và thứ hai là Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng năm 791 lãnh đạo. Thời Phùng Hưng nổi lên đấu tranh chủ cũng là thời sư Định Không đang hành đạo vậy.

Cuộc khởi nghĩa thất bại của Phùng Hưng và các biện pháp đàn áp kèm kẹp tiếp đó đã làm cho người Việt Nam yêu nước phải suy nghĩ. Thực lực cách mạng là quần chúng, nhưng lãnh đạo cách mạng là trách nhiệm của những người có học. Thời bấy giờ, hai nơi đào tạo và cung cấp những người có học yêu nước này là quan trường nghĩa là những người tạm thời cộng tác với chính quyền đô hộ Trung Hoa và nơi thứ hai là nhà Chùa vậy, bởi khi đến thiết lập nền thống trị ở Việt Nam, người Trung Hoa chỉ xây đồn lũy, nhà tù và mở các cơ quan thu thuế chứ không nghĩ đến việc mở mang trường học. Và căn cứ vào kinh nghiệm của những cộng tác viên đã phản lại họ từ Trưng Vương đến Phùng Hưng, quả thực họ cũng không còn tin dùng những người Việt Nam muốn hợp tác với họ nữa.

Sự suy nghĩ lại của người Việt Nam có học và có tiềm năng lãnh đạo chính trị là phải ẩn nhẫn đào tạo nhân tài để chờ thời cơ thuận tiện. Nhà Chùa trong thời Bắc thuộc lần thứ tư này quả đã tích cực theo chính sách đó. Cụ thể là sư Định Không và những đồng môn kế tục. Sử sách kể rằng năm 785 trong lúc đào móng xây chùa Quỳnh Lâm ở nguyên quán là Diêu Ẩn, Sư đã tìm thấy một chiếc lư hương và 11 chiếc khánh. Sư cho đem đi rửa thì một chiếc khánh chìm tận đáy ao. Suy nghĩ về điềm triệu này và tự giải thích:

một chiếc khánh chìm mất tức còn 10 chiếc. “Mười chiếc” viết theo Hán tự là “thập khẩu”, ghép hai chữ thập khẩu lại thì *cổ*, một chiếc chìm đi, “chìm đi” viết theo Hán tự là “thủy khứ”, ghép hai chữ thủy khứ thì thành chữ *pháp*, và từ đó Sư quyết định đặt tên phần đất đã tìm thấy những pháp khí với điềm triệu dị thường này là Cổ Pháp. Song song với quyết định đó, Sư còn làm bài thơ gói ghém niềm tin rằng Cổ Pháp sẽ là địa linh nhân kiệt như sau:

*Địa trình pháp khí
Phẩm chất tinh đồng
Trị Phật Pháp chỉ hưng long
Lập hương danh chi Cổ Pháp
Pháp khí xuất hiện thập khẩu đồng chung
Lý hưng vương tam phẩm thành công*

Dịch:

*Đất bày dâng pháp khí
Phẩm chất thuần túy đồng
Chuẩn bị cho Phật Pháp hưng long
Đặt tên làng Cổ Pháp
Pháp khí xuất hiện mười chiếc chuông đồng
Họ Lý hưng vương tam phẩm thành công*

Trước khi chết, Sư còn dặn đệ tử truyền thừa là Thông Thiện rằng Cổ Pháp là địa linh sau này có thể có kẻ biết được và tìm cách tàn phá, sau khi Thiện sư qua đời, Thông Thiện hãy cố giữ gìn sở nguyện của Sư và khi nào tìm được người họ Đinh thì mới truyền sở nguyện đó. Với hành động khám phá- rồi giải thích, hiện tượng Cổ Pháp là địa linh nhân kiệt này, Sư Đinh Không quả đã công khai gieo vào lòng các đồng môn, đệ tử, học trò của mình và dân chúng nói chung, một lòng tin rằng trước sau gì cũng sẽ xuất hiện một nhân vật kỳ tài xuất chúng cứu vớt dân tộc khỏi cảnh khổ nhục và với hành động đó sẽ làm cho Phật giáo hưng thịnh khởi sắc theo.

Sau khi Định Không tịch, Thông Thiện đã xây tháp thờ Thầy ở bên cạnh chùa Lục Tổ và cho ghi khắc lại lời trần trối của Thầy. Rồi Thông Thiện qua đời, chuyển lại lời trần trối của Thầy cho đệ tử kế trueyền là La Quý An (822- 936). La Quý An kể rằng, khi cho lệnh lập trấn thành ở Sông Tô Lịch, Cao Biền nhận biết phong thổ Cổ Pháp có vượn khí quân vương nên đã cho đào 19 địa điểm để trù ếm và chính La Quý An đã cho lấp đầy lại tất cả địa điểm trù ếm đó. La Quý An tin rằng vùng Cổ Pháp thế nào cũng xuất hiện bậc cái thế giúp Nước giúp Đạo nên đã chuẩn bị mở đường và tạo phương tiện cho người đó hành động. Sư cho lạc quyền vàng đúc thành pho tượng Lục Tổ và ngâm chôn ở gần cổng chùa và dặn đệ tử lúc nào người anh hùng đó xuất hiện thì lấy vàng đó mà ủng hộ. Ngoài ra để ngăn chặn việc trù ếm của đối phương, Sư cũng đã cho trồng một cây gạo ở chùa Minh Châu và dặn đệ tử sau khi mình qua đời thì hãy xây tháp thờ trên chỗ chôn dấu cho pho tượng này để giữ cho kỹ. Sư cũng để lại bài kệ xác nhận là vị thế anh hùng sẽ xuất hiện đó là họ Lý. Sư La Quý An họ Đinh, đệ tử của Thông Thiện, kế thừa dòng thứ 10 Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Sư đã xuất hiện và làm đúng như lời trần trối của Sư Định Không với đệ tử kế thừa là Thông Thiện vậy.

Đệ tử thứ 11 của Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là Thiên Ông , cũng người Cổ Pháp, và là Thầy Vạn Hạnh.

Trong lúc người anh hùng họ Lý chưa xuất hiện thì một số anh hùng dân tộc khác đã đứng lên như Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành, nhưng cả ba đều không xuất phát từ Cổ Pháp, hay ít ra là từ Bắc Ninh như lời sấm đoán của Định Không và lòng tin tưởng của các đồng môn hay đệ tử, mặc dù Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Đại Hành đều phải dựa vào thế lực nhà chùa về các mặt nội trị, ngoại giao. Ngoài ra một nhà Sư thuộc dòng thứ 10 của Thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là Pháp Thuận cũng đã từng giữ một vai trò quan trọng trong việc tranh thủ, củng cố và phát triển chính

quyền cho Lê Đại Hành, Vạn Hạnh cũng đã tiếp tay cho Pháp Thuận trong công việc này.

Đó là cái tâm cảnh hay cộng nghiệp trong đó Vạn Hạnh đã lớn lên. Tâm cảnh của một đất nước sôi động vì ngoại nhân đo hộ áp bức vì những biến tướng quá độ của một dân tộc đang chuyển mình thống nhất và tự chủ, vì những quyết tâm đóng góp công sức cho Đạo Pháp và thế nhân theo truyền thống tu tập của dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Cho đến 21 tuổi, Vạn Hạnh mới xuất gia, như vậy quyết định chọn cửa thiền của Ông là một quyết định có ý hướng chứ không phải chỉ vì “con vua lại làm vua...” Ông đã biết trước tại sao phải xuất gia và xuất gia để làm gì và Phật giáo có thể giúp gì cho Ông trong việc thành đạt mục đích ấy không, và như thế nào?

Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi do thiền sư Ấn Độ cùng tên sáng lập. Tỳ Ni Đa Lưu Chi trước theo Ấn Giáo. Sư đến Tràng An năm 562 và hành đạo ở đó. Từ năm 574, Phật giáo bị Chu Võ Đế đàn áp nặng nề (pháp nạn ba năm 574- 577), Sư phải lánh về Hồ Nam và gặp Tam Tổ Tăng Xán cũng đang lánh nạn nơi đây. Sư muốn ở lại để thọ giáo nhưng Tam Tổ đã giúp Sư phải đi về Nam để hành đạo. Sư xuống Quảng Châu ở lại chùa Chế Chỉ dịch kinh một thời gian đến năm 580 thì đến Việt Nam, ngụ tại chùa Pháp Vân. Hồi ở Trung Hoa, Sư đã dịch kinh *Tổng Trì*.

Tượng Đầu Tinh xá là kinh bàn về cách thành đạt bồ đề hay giác ngộ. Muốn chứng quả bồ đề thì phải vượt tam giới, vượt ngôn ngữ, văn tự và không chấp trụ vào bất cứ một điểm nào cả. Và muốn phá giải các chấp trụ đó thì phải nhờ đến quán niệm. *Tượng Đầu Tinh xá* có thể xem như là thủ bản Thiền của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi. *Tượng Đầu Tinh xá* chủ trương người tu hành muốn giác ngộ thì phải vượt ngôn ngữ văn tự nghĩa là không chấp trước kinh điển. Chủ trương này quả thực không phải đã được các Tổ Sư Phật

Giáo Việt Nam triệt để chấp nhận hay thi hành, bởi truyền thống Phật Giáo này không phải là một truyền thống duy lý cực đoan xa rời lễ lối tín ngưỡng nặng sùng kính của người bình dân. Thứ nữa, dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi tuy là một dòng Thiền nhưng cũng không hề có môn quy riêng biệt cho các việc Thiền hành và sinh hoạt của các Thiền sinh vẫn bị chi phối song song bởi những quy định về Thiền cũng như Luật. Do đó người tu cũng không ngạc nhiên khi thấy một người được xem như tổ của Thiền phái đầu tiên ở Việt Nam lại bỏ công dịch một quyển kinh Mật tông đó là kinh *Tổng Trì* hay *Thừa Phương Quảng Tổng Trì*, lúc Sư hành đạo ở Việt Nam. Mật giáo phát khởi từ thế kỷ thứ tư, phát triển mạnh vào thế kỷ thứ tám và được hệ thống hoá thành một tông riêng biệt đó là Mật Tông hay Kim Cang Thừa mà kinh căn bản là *Kinh Đại Nhật*.

Sự phân biệt Thiền- Mật, Thiền- Tịnh, Bắc Nam có lẽ đã chỉ được cụ thể sau này mà thôi, chứ trong buổi đầu cũng như mãi sau này- Ít ra là trong cái nhìn đại chúng, Thiền và Mật vẫn tỏ ra nếu không có những điểm tương đồng thì ít ra cũng không có nhiều điểm di biệt. Mối liên hệ giữa Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Tam Tổ Thiền Trung Hoa Tăng Xán là một ví dụ. Tỳ Ni Đa Lưu Chi kể rằng hồi ở với Tam Tổ, Sư đã được Tam Tổ truyền tâm ấn cho và bảo về phương Nam mà hoằng hoá. Chính Tam Tổ cũng đã dùng hai chữ Tâm Ấn trong lời di chúc cho đệ tử Pháp Hiền trước khi qua đời. Mà tâm ấn lại là từ ngữ chuyên biệt của Mật giáo. Tâm ấn là tinh hoa của đạo, là bí kíp giác ngộ được truyền thừa không qua những thế thức nghi lễ thông thường mà bằng phương thức giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự. Chính Bồ Đề Đạt Ma cũng quả quyết đó là con đường chứng ngộ của Sư. Như vậy, ít nữa là ở kết điểm tu chứng và đồng thời cũng là khởi điểm hoằng hoá. Thiền và Mật đều có một quan niệm như nhau.

Trong *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Nguyễn Lang đã nhận định: “Mật giáo bắt nguồn từ tư tưởng thâm sâu của Bát Nhã đồng

thời cũng bắt nguồn từ những tín ngưỡng nhân gian Ấn Độ. Về phương diện sau này, Mật giáo chấp nhận sự có mặt của những thần linh được thờ phụng trong dân gian, và như thế khiến cho đạo Phật phát triển rất rộng trong sinh hoạt quần chúng. Ở Giao Châu khuynh hướng này rất phù hợp với tín ngưỡng và phong tục người Việt, vì vậy cho nên Mật giáo đã trở nên một yếu tố khá quan trọng trong sinh hoạt thiền môn.

Đứng về phương diện tư tưởng. Mật giáo là một phản ứng đối với khuynh hướng quá thiên trọng trí thức và nghiên cứu của các hệ thống Bát Nhã và Duy Thức. Theo Mật giáo, trong vũ trụ có ẩn tàng những thế lực siêu nhiên; nếu ta biết sử dụng những thế lực siêu nhiên kia thì có thể đi rất mau trên con đường giác ngộ thành đạo, khỏi phải đi tuần tự từng bước. Sự giác ngộ có thể thực hiện trong giây phút hiện tại. Sự sử dụng thế lực của thần linh, sự sử dụng thần chú, ấn quyết và các hình ảnh mạn đà la có thể hỗ trợ đắc lực cho thiền quán hành đạo. Chính vì khuynh hướng này của Mật giáo mà Phật giáo đã bao trùm mọi tín ngưỡng bình dân trong lòng nó, ở Ấn Độ cũng như Việt Nam”. (Sđd trang 129)

Trong tâm cảnh đó, trong vòng tay của y báo đó là dưới sức nặng của cộng nghiệp đó, Vạn Hạnh đã trưởng thành, quyết định chọn con đường Phật giáo của thời đại để tu tập và dẫn thân.

Con đường Vạn Hạnh đi không phải là con đường lên núi là một nhà tu cô đơn khổ hạnh cũng không phải là con đường đưa Sư đến chỗ ngồi nhìn vách quay lưng lại với cuộc đời mà tu. Con đường Sư đi là con đường hành động với con tim vô tư, vô cầu, với quyết ý dốc cả tâm can phò trợ những người khoan dung, được lòng dân, có hoài bão làm cho dân cho nước thịnh trị như Sư dùng để khuyến khích người đệ tử tại gia của mình là Lý Công Uẩn hãy biết dùng cái trí dũng của thánh nhân nắm lấy thời cơ tiếp tục những công

việc mà Lê Đại Hành muốn làm và chính Sư cũng đã muốn giúp Lê Đại Hành làm, nhưng đã không làm được.

Cho đến năm 21 tuổi mới quyết định xuất gia, như vậy thì trước đó hẳn Vạn Hạnh đã có một thời gian khá đủ để tìm hiểu những dòng tư tưởng thời thượng mà người Trung Hoa đã quyết cấy vào đầu óc người dân Việt bị trị bao nhiêu trăm năm qua. Những dòng tư tưởng thời thượng đó là Nho, là Lão vậy. Nếu muốn dùng kinh nghiệm trí thức để tiến thân thì chắc cũng không khó. Nhưng Vạn Hạnh đã không chọn con đường thành công xây dựng trên chiến tích thắng vạn hùng binh đó, trái lại Sư đã chọn con đường thành công xây dựng trên chiến tích tự thắng chính mình. Sử sách kể rằng Sư thuộc một gia đình có truyền thống phụng thờ Phật. Nhưng đó cũng chưa hẳn là nguyên nhân khiến Sư quyết định xuất gia. Bởi vì nếu xuất gia chỉ vì ảnh hưởng của truyền thống gia đình thì hẳn Sư đã xuất gia từ thời thơ ấu. Cho nên việc xuất gia của Vạn Hạnh khi đã trưởng thành cũng là một điều đáng suy nghĩ, một kỳ sự khiến cho người ta có thể hỏi bậc kỳ nhân mà sư Định Không hai thế kỷ trước đó đã tiên đoán sẽ xuất hiện ở miền Nam Cổ Pháp, có thể là Lý Công Uẩn kẻ sáng lập ra triều đại thịnh suy huy hoàng đầu tiên của Việt Nam, mà cũng có thể là Vạn Hạnh, kẻ đã xây dựng và hun đúc nên tài trí của Lý Công Uẩn thì cũng không có nhà Lý, nhưng không có Vạn Hạnh thì cũng khó mà có Lý Công Uẩn.

Sư kể rằng Lý Công Uẩn là người Cổ Pháp, Bắc Ninh, không biết cha là ai. Theo truyền thuyết thì mẹ ông một hôm vắng cảnh chùa Tiên Sơn mộng thì gặp thần nhân rồi thụ thai ông. Năm ông lên ba, mẹ ông đem cho vị Sư trị trì chùa Lục Tổ làm con nuôi. Từ thuở còn bé, Lý Công Uẩn đã thông minh độ lượng rộng rãi. Vạn Hạnh đã quan sát ông và tự nhủ đây là một người phi thường, sau này lớn lên chắc có thể cứu đời, yên dân, làm chúa thiên hạ. Lý Công Uẩn trưởng thành trong khung cảnh đó và xuất chính phục vụ Lê Đại Hành. Vì có tài đức nên ông được nhiều người mến trọng.

Lê Đại Hành chết, Lê Long Đĩnh cướp ngôi, trị dân một cách tàn độc. Đó chính là hoàn cảnh thuận lợi để Vạn Hạnh chuẩn bị cho Lý Công Uẩn thế thiên hành đạo. Biến một đứa con rơi sống nhờ cơm chùa thành một kẻ văn võ toàn tài thành vị vua sáng lập triều Lý thịnh trị dài lâu hơn hai trăm năm. Đó chính là thành tích “trụ tích chấn vương kỳ” của Vạn Hạnh vậy. Phải chăng Vạn Hạnh đã nhờ Lý Công Uẩn thực hiện thay mình cái mộng thay đời thịnh trị bằng con đường công hầu khanh tướng mà trước khi xuất gia hẳn phải có lúc Sư đã ao ước dẫn thân?

Có thể nói, Vạn Hạnh đã khởi đi vào đời bằng Nho, ở lại đời bằng Lão và đã vươn lên cả bằng Phật giáo vậy. Nho giáo đã giúp Sư xây mộng kinh luân xây đời thịnh trị, nhưng Nho giáo cũng có thể là cái bẫy cùm thân Sư lại trong vòng công hầu khanh tướng, trung quân mù quán cực đoan hay thế lưỡng đầu bế tất nhập thế-xuất thế, mẫn thế- yếm thế. Lão giáo đã giúp Sư nhìn đời bằng đôi mắt khoáng đạt, xem công danh như một nguyên uỷ của sa đọa tâm linh, nhưng Lão giáo cũng có thể là cái bẫy cùm thân Sư lại trong lưỡng đầu bế tắc vô vi-hữu vi, thương đời- ghét đời, gần người- xa người. Phật giáo đã giúp Sư tránh được những cái bẫy sập ấu, giúp Sư tích hiệp được tinh hoa của cả Nho, Lão, Phật thành nhiên liệu giúp sư hoà hợp được tu hành trên căn bản yêu mình là yêu người, tự giác là giác tha.

Theo truyện sử, Vạn Hạnh đã khởi đến Phật giáo qua ngô Tam Học, tức lối ngô Nguyên Thủy mà yếu chỉ tu tập là Giới, Định, Tuệ. Lối ngô Tam Học này có thể dẫn người học lạc lạc vào nẻo giáo điều tiêu cực nhắm mắt với thế sự để ẩn nhẫn đợi chờ giác ngộ qua trường kỳ khổ luyện. Hoàn cảnh đất nước thời bấy giờ thật khó mà để cho Vạn Hạnh yên tâm để làm chuyện ấy. Và chính Vạn Hạnh khi nào tâm trí sư vẫn tương vấn cái hạnh nguyện Bồ Tát, xây “đời thịnh trị” thì cũng khó mà quay mặt vào vách ngồi yên. Do đó mà Vạn Hạnh đã từ Tam Học để tiến thêm một bước nữa trên

đường tu chứng. Bước mới đó là Tam Luận, là *Thập Nhị Môn, Trung Quán và Bách Luận*, những con đường phá chấp toàn triệt, giải phóng kẻ toàn diện kẻ tu hành khỏi những vướng mắc chấp trước về tri cũng như hành. Những chấp trước lưỡng đầu như thường- vô thường, ngã- vô ngã, hữu thời- vĩnh cửu, hữu tướng- vô tướng, nhập thế- xuất thế, hữu vi- vô vi, khổ hạnh- buông xả, vị tha- vị kỷ, khả thuyết- bất khả thuyết. Tất cả có thể làm kẻ tu hành lạc bước vào những lý thuyết, ngôn từ. Có thể nói Tam Luận đã giúp cho Vạn Hạnh vượt được cả Nho, Lão lẫn những khuynh hướng giáo điều tị thế của chính Phật giáo, và do đó cũng đã mở đường cho Vạn Hạnh hội nhập với khuynh hướng nhập thế tu chứng của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Cuốn kinh Thủ Bốn của dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi là kinh *Tượng Đầu Tinh Xá*. Nội dung của kinh này là chủ trương dùng Thiền Quán để phá chấp thì mới thành đạt Bồ Đề hay giác ngộ. Lời di chúc của Vạn Hạnh cùng đệ tử trước khi già từ cõi đời: “Các người muốn về đâu? Phần ta, ta chẳng lấy nơi dừng để dừng, cũng không hướng về nơi không dừng để dừng” đúng là một âm vang thân thiết chân thật những lời Phật thuyết trong *Tượng Đầu Tinh Xá*: “An trú vào nơi không an trú tức là an trú ở Bồ Đề, an trú nơi chơn lý tất cả các pháp không có thể tướng tức là an trú nơi Bồ Đề, an trú nơi không tăng không giảm là an trú nơi Bồ Đề...” (Nguyễn Lang, sđd trang 117)

Sử sách cũng kể là sau khi Thầy chết, Vạn Hạnh còn chuyên hành một pháp môn khác nữa đó là Tổng Trì Tam Ma Địa. Đây là pháp môn nhằm bảo tồn năng lực tâm khỏi hao hụt suy chuyển vì vọng ngoại. Pháp môn này được suy nghiệm theo một tiến trình như sau:

1. Tập trung tinh thần cho khỏi vọng động hay Chính Định
2. Điều chỉnh cảm thức hay Chính Thụ

3. Điều động cảm thức hoà hợp với đối tượng hay Chính Tâm Hành Xứ

4. Hoàn toàn điều động được tâm thức không còn mảy may giao động hay Lự Ngưng Tâm

5. Thực hiện được thế quân bình tuyệt đối của tâm thức hay Đồng Trì.

6. Điều chỉnh được hơi thở đến mức hoàn toàn ngưng đọng hay Chỉ Tức.

Thực hiện được Chỉ Tức tức đạt đến mức có thể gọi là siêu thân nhập hoá hay Tổng Trì Tam Ma Địa vậy (Nguyễn Đăng Thục, Thiền Viện Vạn Hạnh, tr. 167). Pháp môn Tổng Trì Tam Ma Địa này xét cho cùng cũng không sai khác mấy với phép Thiền Quán được trình bày trong kinh *Tượng Đầu Tinh Xá*. Phép thiền quán này gồm:

1. Quán nội giới của thân là Không.
2. Quán ngoại giới của thân là Không
3. Quán các pháp trong và ngoài đều không
4. Không chấp trước vào nhất thế trí
5. Không bị chấp trước vào những phương tiện tu hành
6. Không bị chấp trước vào những địa vị tu chứng của các bậc hiền thánh.
7. Không bị chấp trước vào sự thanh tịnh đạt được do sự hành đạo lâu ngày.
8. An trú ở Bát Nhã Ba La Mật.
9. Không bị chấp trước vào công việc giảng luận giáo hoá
10. Quán cá chúng sanh phát khởi từ bi và lòng lân mẫn.

Thấy được sự tương đồng này tức là hiểu được tại sao Tỳ Ni Đa Lưu Chi lại vừa dịch *Tượng Đầu Tinh Xá* của Thiên vừa dịch *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì* của Mật. Và đồng thời cũng hiểu được tại sao Vạn Hạnh lại dùng thần thông sám ký để hành đạo cứu đời, xây dựng nên nghiệp nhà Lý.

Phật giáo với Vạn Hạnh đã có tác dụng vừa như một lực động cho Sư tiến tới trên đường hoằng hoá, vừa như một vật xúc tác làm cho Sư hoà đồng với đời, với đạo, với chính bản thân Sư.

Kinh nghiệm đó của Vạn Hạnh đã được đúc kết trong bài kệ truyền lại cho đời trước lúc thoát tục. Bài kệ đó cũng chính là những dòng chữ đã gói ghém cái bí quyết liễu ngộ, thành đạt Bồ Đề, cái bí quyết nhậm vận của Vạn Hạnh.

Thành quả hành Thiên đã được trình bày bóng bẩy qua 10 giai đoạn tranh chẵn trâu (Mục Ngưu Đồ) hay 10 cấp hành thiên:

Cấp 1: Vị mục, tâm với ý còn chạy tìm nhau như mục đồng tìm trâu.

Cấp 2: Sơ điều, trâu đã bị xỏ mũi nhưng vẫn còn hung hăng.

Cấp 3: Thực chế, trâu chịu theo nhưng mục đồng thì còn cảnh giác.

Cấp 4: Hồi thủ, không cần xỏ mũi để chẵn trâu nữa nhưng mục đồng vẫn còn để mắt trông coi.

Cấp 5: Tuân phục, ta đâu trâu đó

Cấp 6: Vô ngại, mục đồng thả cho trâu tự do nhưng trâu vẫn không xa rời mục đồng.

Cấp 7: Nhậm vận, Trâu với mục đồng hoà hợp như bóng với hình, nhưng cả hai vẫn còn đó.

Cấp 8: Tương vong, Trâu với mục đồng chỉ còn là một.

Cấp 9: Độc chiếu, Trâu với mục đồng chỉ còn là tâm sáng
ngời trong bóng.

Cấp 10: Song dân, Trâu với mục đồng đều tan biến, chỉ còn
chân như.

Vạn Hạnh chỉ tự nhận mình chỉ thành đạt được thiên cấp 7.
Đời còn đó, quốc gia dân tộc còn đó, mục tiêu xã hội phải thành đạt
để “đời thịnh trị” có thể thành tựu vẫn còn đó, nhu cầu và yêu sách
tu chứng vẫn còn đó, vinh nhục vẫn còn đó... nhưng tất cả đều
không còn phải là tương phản, tương xung, ngăn trở quấy trầy bước
chân kẻ hành Thiên nữa. Bởi Vạn Hạnh đã thấy được có cũng là
không, không cũng là có, không có cũng là không. Như màu xanh
của cây lá mùa xuân đã tiềm ẩn màu vàng úa của mùa thu, như
thành công là mặt của thất bại, như tiền tài là ẩn mặt tạm thời của
trắng tay nghèo khó, như vinh quang là bọt nổi của nhục, như chết
là một nhịp chuyển của sống...

Tất cả chỉ là những sát na biến hiện, tất cả đều là chân lý,
đều là sự thật, đều là thực tại trong sát na, trong sát na của một sát
na, trong sát na của sát na của một sát na... nghĩa là khoảng khắc sẽ
làm cho thời gian mà một hạt sương mai chênh vênh tồn tại trên đầu
ngọn cỏ trở thành ngàn năm, vạn năm.

Vạn Hạnh chưa đạt tới ba cấp cuối cùng của Thiên là Tương
Vong, Độc Chiếu và Chân Như hay Sư chỉ muốn dừng lại ở cấp 7
của Thiên để còn cảm nhận được cái khổ, cái vui, cái mơ ước của
một tập thể lịch sử mà Sư có thể tiếp tay cứu độ, vun quén, thực
hiện. Và nếu Niết Bàn là nẻo tận của kẻ đạt đạo, thì Vạn Hạnh quả
là người đã xông thẳng vào rừng chông gai của lịch sử Việt Nam
trong giai đoạn chuyển mình tự chủ để tiến vào nẻo ấy vậy.

